

LỜI MỞ ĐẦU

Cùng với xu hướng phát triển của kinh tế thế giới, trong những năm vừa qua kinh tế Việt Nam có nhiều chuyển biến khởi sắc. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, các doanh nghiệp được phép hoạt động kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh trong khuôn khổ pháp luật. Để có thể khẳng định chỗ đứng của mình thì bất kể doanh nghiệp nào cũng cần phải có những chính sách đường lối cũng như các công cụ quản lý đặc lực.

Về bản chất, kế toán là một hệ thống đo lường xử lý và truyền đạt những thông tin có ích cho quyết định kinh doanh. Sự hỗ trợ của công tác hạch toán kế toán trong doanh nghiệp là hết sức cần thiết bởi hạch toán kế toán là công cụ có vai trò quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, nguyên vật liệu là tư liệu lao động chủ yếu cấu thành nên thực thể sản phẩm, đồng thời còn ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành và chất lượng sản phẩm. Thực hiện tốt công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu sẽ hạn chế được những thất thoát lãng phí và là cơ sở để giảm chi phí, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trong hiện tại và tương lai.

Xuất phát từ tầm quan trọng của kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất, trên cơ sở lý luận đã được học trong nhà trường và thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại VIC, em đã đi sâu tìm hiểu về phần hành kế toán kế toán nguyên vật liệu và chọn đề tài “***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại VIC***” làm khoá luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài lời mở đầu và kết luận, khoá luận của em gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại VIC.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại VIC.

Do thời gian và trình độ có hạn nên khoá luận của em chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1. Những vấn đề chung về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Trong hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp, quản lý nguyên vật liệu là một mảng quan trọng, quyết định nên giá thành sản phẩm, vì nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành. Do vậy, việc quản lý nguyên vật liệu là mối quan tâm hàng đầu và thực sự cần thiết được chú trọng. Trong quản lý nguyên vật liệu, công tác kế toán nguyên vật liệu phải luôn cập nhật một cách chính xác, đầy đủ và trung thực những thông tin cần thiết giúp cho quá trình sản xuất của doanh nghiệp được diễn ra thường xuyên và liên tục. Vì vậy nguyên vật liệu phải được quan tâm đúng mức và sử dụng có hiệu quả.

Nguyên vật liệu được mua từ nhiều nguồn khác nhau, mỗi loại nguyên vật liệu lại có những vai trò, công dụng khác nhau đối với từng sản phẩm, nên việc hạch toán nguyên vật liệu là vấn đề cần được ưu tiên trong các doanh nghiệp. Việc hạch toán nguyên vật liệu không chỉ dừng lại ở chỗ phản ánh chính xác tình hình biến động của vật liệu mà còn cung cấp thông tin cho hoạt động quản trị doanh nghiệp.

Như vậy, việc hạch toán nguyên vật liệu là một điều tất yếu mà tất cả các Doanh nghiệp đều phải làm. Nếu thực hiện tốt việc hạch toán này sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao được hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đảm bảo cho doanh nghiệp đứng vững trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

1.1.2. Khái niệm về nguyên vật liệu.

Theo chuẩn mực kế toán số 02, hàng tồn kho là những tài sản: được giữ để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường:

- Đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang.
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ, để sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

- Nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản phẩm sản xuất.

1.1.3. Đặc điểm của nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến cần thiết trong quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp mang những đặc điểm sau:

- Tham gia vào một chu kỳ sản xuất.
- Thay đổi hình dáng ban đầu sau quá trình sử dụng.
- Chuyển toàn bộ giá trị vào sản phẩm sản xuất ra.

Thông thường trong cấu tạo của giá thành sản phẩm thì chi phí về nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng khá lớn nên việc sử dụng nguyên vật liệu tiết kiệm, đúng mục đích và đúng kế hoạch có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ giá thành sản phẩm và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh.

1.1.4. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu.

Vấn đề sử dụng nguyên vật liệu hợp lý luôn là một vấn đề quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp; vì vậy công tác quản lý nguyên vật liệu nhằm tối thiểu hóa chi phí, nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp mà vẫn đạt được những yêu cầu về chất lượng luôn luôn là vấn đề quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Do đó để đảm bảo công tác hạch toán được chính xác đòi hỏi chúng ta phải quản lý tốt và chặt chẽ từ mọi khâu: từ khâu thu mua, bảo quản tới khâu dự trữ và sử dụng.

Trong suốt quá trình luân chuyển, việc giám sát chặt chẽ số lượng vật liệu mua vào, xuất dùng để đảm bảo cho chất lượng sản phẩm theo đúng yêu cầu về kỹ thuật, giá trị đã đề ra đòi hỏi cán bộ kế toán vật liệu phải thực hiện những nhiệm vụ đó, đó là:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh đầy đủ, tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, nhập-xuất-tồn kho vật liệu, tình hình luân chuyển vật tư hàng hóa cả về giá trị và hiện vật. Tính toán đúng đắn giá vốn (hoặc giá thành) thực tế của vật liệu đã thu mua, nhập và xuất kho của doanh nghiệp, kiểm tra tình

hình thu mua vật liệu về các mặt: số lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời chủng loại vật liệu và các thông tin cần thiết phục vụ cho quá trình sản xuất và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

- Áp dụng đúng đắn các phương pháp và kỹ thuật hạch toán hàng tồn kho, mở sổ (thẻ) kế toán chi tiết để ghi chép phản ánh, phân loại, tổng hợp số liệu... về tình hình hiện có và sự biến động tăng giảm trong quá trình sản xuất kinh doanh, cung cấp số liệu kịp thời để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

- Tổ chức đánh giá, phân loại vật liệu, kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ và sử dụng vật liệu, tính toán xác định chính xác số lượng giá trị vật liệu cho các đối tượng sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Tham gia kiểm kê đánh giá lại hàng tồn kho theo đúng chế độ nhà nước quy định, lập các báo cáo về vật liệu phục vụ cho công tác quản lý và lãnh đạo, tiến hành phân tích đánh giá vật liệu từng khâu nhằm đưa ra đầy đủ các thông tin cần thiết cho quá trình quản lý.

1.1.5. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu.

1.1.5.1. Phân loại nguyên vật liệu.

Trong mỗi doanh nghiệp, do tính chất đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh nên cần phải sử dụng nhiều nguyên vật liệu khác nhau. Phân loại vật liệu là việc sắp xếp vật liệu có cùng một tiêu thức nào đó vào một loại. Đối với vật liệu căn cứ vào nội dung kinh tế, vai trò của chúng trong quá trình sản xuất kinh doanh, vào yêu cầu quản lý, vật liệu được chia thành các loại sau:

* *Nếu căn cứ vào vai trò, công dụng chủ yếu của nguyên vật liệu:* Nguyên vật liệu được chia thành:

- *Nguyên vật liệu chính:* bao gồm các loại nguyên liệu, vật liệu tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất để cấu tạo nên thực thể bản thân sản phẩm.

- *Nguyên vật liệu phụ:* bao gồm các loại nguyên liệu, vật liệu được sử dụng kết hợp với nguyên vật liệu chính để nâng cao chất lượng cũng như tính năng, tác dụng của sản phẩm và các loại nguyên vật liệu phục vụ cho công việc lao động của công nhân.

- *Nhiên liệu*: bao gồm các loại nguyên vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất sản phẩm, cho các phương tiện máy móc thiết bị hoạt động trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- *Phụ tùng thay thế* : bao gồm các loại nguyên vật liệu được sử dụng để thay thế, sửa chữa những máy móc, thiết bị phương tiện vận tải...

- *Các nguyên vật liệu khác*: bao gồm những loại vật liệu chưa được xếp vào các loại trên như bao bì đóng gói sản phẩm, những phế liệu được loại ra từ quá trình sản xuất, hoặc thu hồi từ thanh lý tài sản cố định.

Cách phân loại này là cơ sở để xác định định mức tiêu hao, định mức dự trữ cho từng loại, từng thứ nguyên vật liệu; là cơ sở tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

**Nếu căn cứ vào nguồn cung cấp nguyên vật liệu*: Nguyên vật liệu được chia thành:

- Nguyên vật liệu mua ngoài.
- Nguyên vật liệu tự sản xuất.
- Nguyên vật liệu có từ nguồn khác. (Được cấp, nhận vốn góp, ...)

Cách phân loại này làm căn cứ cho việc lập kế hoạch thu mua và kế hoạch sản xuất nguyên vật liệu, là cơ sở để xác định trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập kho.

1.1.5.2. Tính giá nguyên vật liệu.

Tính giá nguyên vật liệu là việc xác định giá trị của nguyên vật liệu ở những thời điểm nhất định và theo những nguyên tắc nhất định. Nó có ý nghĩa quan trọng trong việc hạch toán đúng đắn tình hình tài sản cũng như chi phí sản xuất kinh doanh.

Theo chuẩn mực kế toán 02 -Hàng tồn kho thì vật liệu phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc giá gốc.
- Nguyên tắc thận trọng.
- Nguyên tắc nhất quán.

- Sự hình thành trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu được phân biệt ở các thời điểm khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh.

**Tính giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho.*

Theo chuẩn mực kế toán số 02, hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh có được hàng tồn kho ở thời điểm hiện tại.

- Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại; chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được loại trừ khỏi chi phí thu mua.

- Chi phí chế biến hàng tồn kho bao gồm: Những chi phí liên quan trực tiếp đến sản phẩm sản xuất như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên vật liệu thành thành phẩm.

- Chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh tính vào giá gốc hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí khác ngoài chi phí mua và chi phí chế biến hàng tồn kho.

Chi phí không được tính vào hàng tồn kho bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản trong quá trình mua hàng.

Trên thực tế, nguyên vật liệu của doanh nghiệp được hình thành từ các nguồn khác nhau như: mua ngoài, nhập kho tự sản xuất, nhập do thuê ngoài gia công chế biến, nhập do nhận vốn góp liên doanh, nhập do được cấp do đó mà giá thực tế nhập kho cũng khác nhau:

- Nguyên vật liệu nhập do mua ngoài:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế nhập kho} & = & \text{Giá mua ghi trên hóa đơn} & + & \text{Các khoản thuế nhập khẩu, thuế khác (nếu có)} & + & \text{Chi phí thu mua (chi phí vận chuyển, bốc dỡ, thuê kho)} & - & \text{Các khoản giảm giá được hưởng (chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán)} \end{array}$$

Trong đó giá mua ghi trên hóa đơn được xác định như sau:

+ Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá trị nguyên vật liệu mua vào là giá mua thực tế không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

+ Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và cơ sở kinh doanh không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì giá trị nguyên vật liệu mua vào là tổng giá thanh toán phải trả cho người bán (bao gồm cả thuế GTGT đầu vào).

- Nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự gia công:

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \text{Giá thực tế vật liệu xuất gia công, chế biến} + \text{Chi phí gia công chế biến}$$

- Nguyên vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến:

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \text{Giá thực tế vật liệu xuất thuê ngoài gia công} + \text{Chi phí vận chuyển bốc dỡ thuê kho} + \text{Chi phí phải trả cho bên nhận gia công}$$

- Nguyên vật liệu nhận góp từ đơn vị khác:

Giá thực tế nguyên vật liệu nhận góp vốn là giá do hội đồng liên doanh đánh giá và công nhận.

- Nguyên vật liệu nhận viện trợ và tặng thưởng:

Giá thực tế nguyên vật liệu là giá của hàng hóa cùng loại trên thị trường tương đương do hội đồng giao nhận xác định.

- *Đối với phế liệu thu hồi:*

Giá thực tế của phế liệu thu hồi là giá được ước tính có thể sử dụng được hay giá trị thu hồi tối thiểu.

** Tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho.*

Do nguyên vật liệu của doanh nghiệp được nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, vào những khoảng thời gian khác nhau nên giá thực tế nhập kho cũng khác nhau. Vì vậy khi xuất kho phải tính toán, xác định được giá thực tế xuất kho cho các yêu cầu và đối tượng sử dụng khác nhau.

Theo chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho, việc tính giá trị hàng tồn kho được áp dụng theo các phương pháp khác nhau, tuy nhiên khi doanh nghiệp áp dụng phương pháp nào thì phải đảm bảo tính nhất quán trong một niên độ kế toán.

Một số phương pháp tính giá xuất kho chủ yếu:

- *Phương pháp giá đích danh*

Theo phương pháp này, khi xuất kho nguyên vật liệu căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho. Phương pháp này được áp dụng cho những doanh nghiệp có chủng loại nguyên vật liệu ít và nhận diện được từng lô hàng.

- *Phương pháp bình quân gia quyền:*

Theo phương pháp này, trị giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho được tính dựa trên cơ sở số lượng thực xuất trong kỳ và đơn giá bình quân.

$$\text{Giá thực tế xuất kho} = \frac{\text{Số lượng thực tế xuất kho}}{\text{Số lượng thực tế xuất kho}} \times \text{Giá bình quân một đơn vị sản phẩm}$$

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vật liệu nhập trong kỳ}}{\text{Lượng vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Lượng vật liệu nhập trong kỳ}}$$

- Đơn giá bình quân thường được tính cho từng loại nguyên vật liệu.

- Đơn giá bình quân có thể xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ hay đơn giá bình quân cố định. Theo cách tính này, khối lượng tính toán

giảm nhưng chỉ tính được trị giá thực tế của nguyên vật liệu vào thời điểm cuối kỳ nên không thể cung cấp thông tin kịp thời.

- Đơn giá bình quân có thể xác định sau mỗi lần nhập được gọi là đơn giá bình quân liên hoàn hay đơn giá bình quân di động. Theo cách tính này, hàng ngày cung cấp thông tin kịp thời nhưng khối lượng công việc tính toán sẽ nhiều hơn nên phương pháp này rất thích hợp đối với những doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán.

- *Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO):*

Theo phương pháp này thì lô hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá mua thực tế lần nhập đó để tính trị giá hàng xuất kho, số còn lại tính theo đơn giá của lần nhập tiếp theo. Trị giá tồn kho cuối kỳ được tính theo số lượng hàng tồn kho và đơn giá của những lô hàng nhập sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

- *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):*

Theo phương pháp này thì lô hàng nào nhập sau sẽ được xuất trước. Căn cứ vào số lượng vật liệu tính ra giá trị thực tế xuất kho theo nguyên tắc tính theo đơn giá của lần nhập sau cùng đối với số lượng xuất kho thuộc lần nhập sau cùng, số còn lại được tính theo đơn giá thực tế của lần nhập trước đó. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp lạm phát.

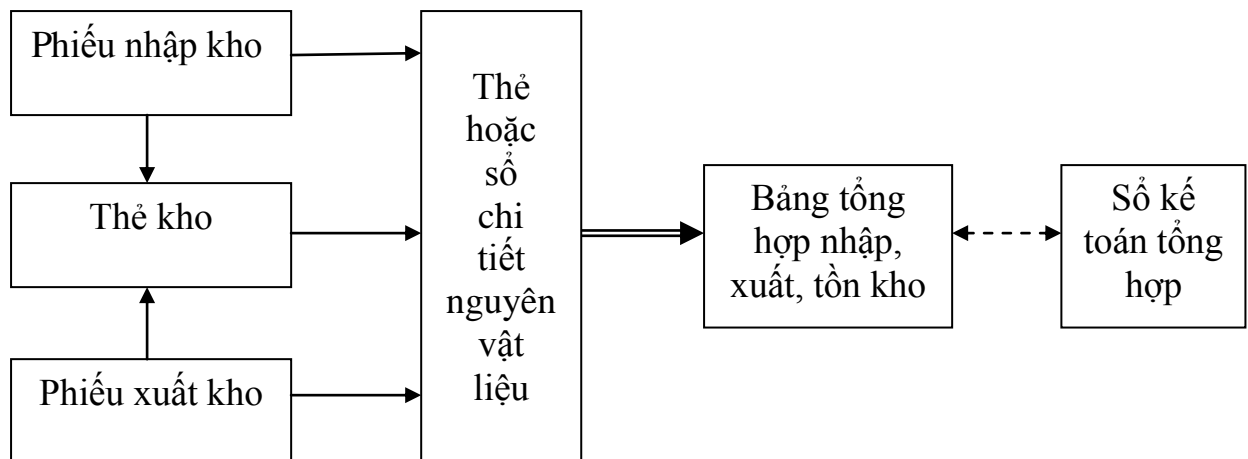
1.2. Nội dung công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.2.1. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu là một trong những đối tượng kế toán cần phải tổ chức hạch toán chi tiết không chỉ về mặt giá trị mà cả số lượng, không chỉ theo từng kho mà phải chi tiết theo từng loại, nhóm, thứ nguyên liệu. Hiện nay, tùy theo đặc điểm của từng doanh nghiệp, tùy theo trình độ của nhân viên kế toán và thủ kho, để tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong ba phương pháp:

- Thẻ song song.
- Sổ đối chiếu luân chuyển.
- Sổ số dư.

1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song.



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song.

Ghi chú:

Ghi hàng ngày	→
Ghi cuối tháng hoặc định kỳ	⇒
Quan hệ đối chiếu kiểm tra	↔

***Quy trình hạch toán:**

- **Tại kho:** Hàng ngày, thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho, cuối tháng tính ra số tồn kho ghi vào thẻ kho. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn trên thẻ kho và số thực tế có trong kho. Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho về phòng kế toán.

- **Tại phòng kế toán:** Kế toán mở sổ (thẻ) kế toán chi tiết nguyên vật liệu tương ứng với thẻ kho của từng kho để theo dõi về mặt số lượng và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho nguyên vật liệu của thủ kho chuyển đến, kế toán phải có nghĩa vụ kiểm tra tính chính xác của các chứng từ này rồi ghi chép vào sổ (thẻ) có liên quan. Cuối tháng, kế toán cộng sổ (thẻ) tính ra tổng số nhập, xuất, tồn kho chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu, rồi đối chiếu với thẻ kho của thủ kho, lập báo cáo tổng hợp tình hình nhập- xuất-tồn nguyên vật liệu.

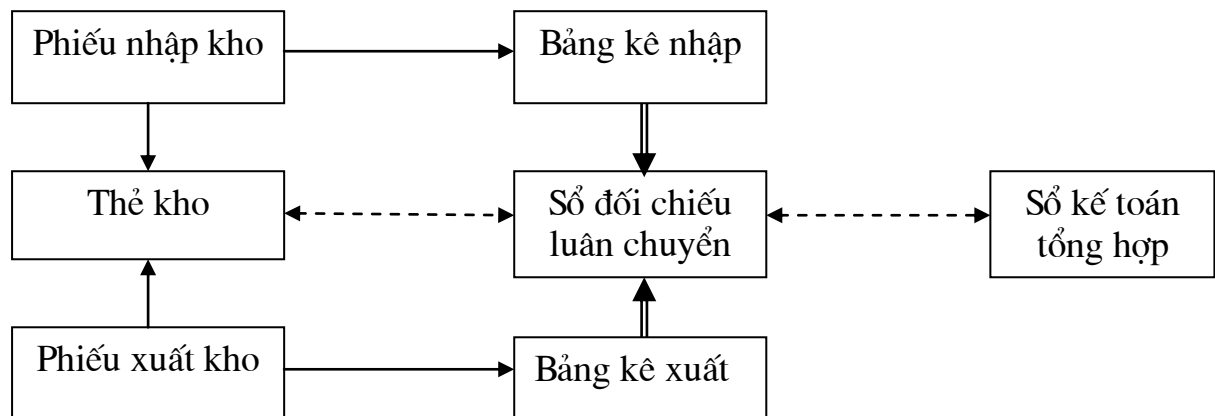
***Điều kiện áp dụng:** Cho những doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, hàng hóa, khối lượng nhập, xuất không nhiều và trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán không cao.

***Nhận xét:**

-**Ưu điểm:** Phương pháp này đơn giản, dễ làm, dễ đối chiếu, kiểm tra, đảm bảo độ tin cậy cao, có khả năng cung cấp thông tin nhanh cho kế toán quản trị.

-**Nhược điểm:** Khối lượng công việc ghi chép lớn, ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và kế toán.

1.2.1.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Ghi chú:

Ghi hàng ngày	—————>
Ghi cuối tháng hoặc định kỳ	=====>
Quan hệ đối chiếu kiểm tra	<----->

***Quy trình hạch toán:**

- **Tại kho:** Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn giống như phương pháp thẻ song song.

- **Tại phòng kế toán:** Kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để hạch toán số lượng và số tiền của từng loại nguyên vật liệu theo từng kho. Sổ này ghi mỗi tháng một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp các chứng từ nhập, xuất phát sinh trong tháng của từng loại nguyên vật liệu, mỗi loại chỉ ghi một dòng trong sổ. Sau đó tính ra số tồn kho cuối tháng và ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển. Cuối tháng tiến

hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

***Điều kiện áp dụng:**

Phù hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, không có điều kiện ghi chép nhập, xuất hàng ngày.

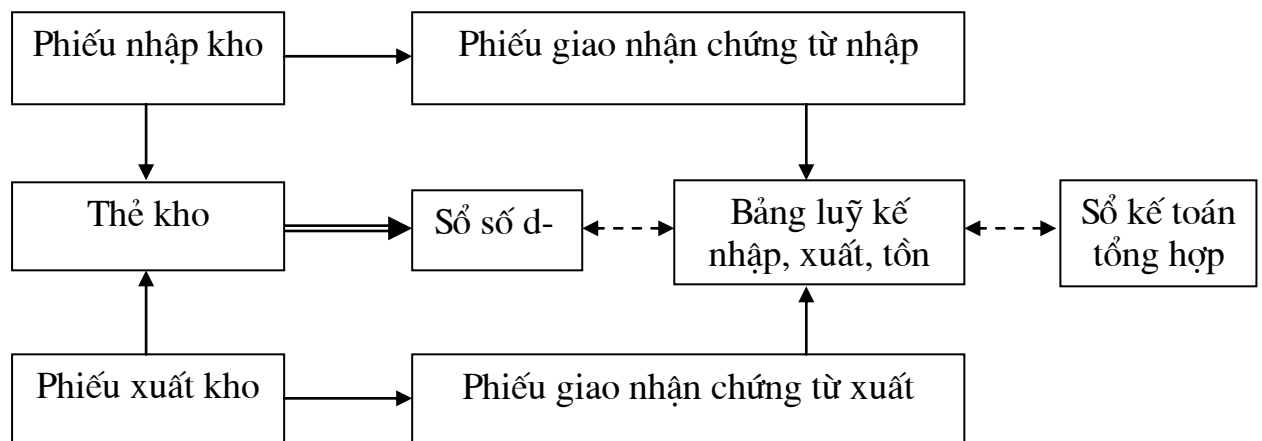
Phương pháp này thường ít áp dụng trong thực tế.

***Nhận xét:**

-**Ưu điểm:** Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

-**Nhược điểm:** Việc ghi sổ bị trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán do việc kiểm tra đối chiếu số lượng chỉ được tiến hành vào cuối tháng nên vẫn hạn chế trong kiểm tra.

1.2.1.3. Phương pháp sổ số dư.



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư

Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu kiểm tra \longleftrightarrow

***Quy trình hạch toán:**

- **Tại kho:** Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi ghi thẻ kho xong, thủ kho tập hợp toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho phát sinh trong ngày, trong kỳ và phân loại theo

từng nhóm chi tiết cho nguyên vật liệu theo quy định. Sau đó lập phiếu giao nhận chứng từ trong đó ghi số lượng, số hiệu chứng từ của từng nhóm nguyên vật liệu và giao cho phòng kế toán kèm theo phiếu nhập, xuất kho. Cuối tháng, thủ kho ghi số lượng vật liệu tồn kho theo từng danh mục vào sổ số dư. Sổ số dư được kế toán mở cho từng kho và ghi cả năm, cuối tháng kế toán giao cho thủ kho để ghi vào sổ, ghi xong thủ kho phải chuyển trả cho phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền cho vật liệu.

- **Tại phòng kế toán:** Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho của thủ kho, kế toán kiểm tra chứng từ, ghi giá hạch toán và tính thành tiền cho vật liệu. Tổng cộng số tiền trên chứng từ nhập, xuất kho theo từng nhóm nguyên vật liệu để ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ, căn cứ vào phiếu này ghi vào bảng nhập-xuất-tồn. Bảng này mở cho từng kho, mỗi kho một tờ, ghi trên cơ sở chứng từ nhập-xuất. Cuối tháng tính ra số tồn kho trên bảng kê nhập-xuất-tồn. Số liệu tồn kho của từng nhóm vật liệu sử dụng để đối chiếu với sổ số dư và đối chiếu với kế toán tổng hợp theo từng nhóm.

***Điều kiện áp dụng:** Phương pháp này sử dụng cho các doanh nghiệp dùng giá hạch toán để hạch toán vật liệu nhập-xuất-tồn kho.

***Nhận xét:**

-**Ưu điểm:** Hạn chế việc ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, đảm bảo số liệu kế toán kịp thời, chính xác.

-**Nhược điểm:** Khi thực hiện phương pháp này thì phức tạp hơn và phải nhiều bước, nhiều thủ tục.

1.2.2. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

Theo chế độ hiện hành có hai phương pháp kế toán hàng tồn kho là: phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ. Việc lựa chọn phương pháp kế toán hàng tồn kho phải căn cứ vào đặc điểm, tính chất, số lượng, chủng loại vật tư, hàng hóa và yêu cầu quản lý để có sự vận dụng thích hợp và phải thực hiện nhất quán trong niên độ kế toán.

1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi việc nhập, xuất và tồn kho vật liệu một cách thường xuyên trên sổ kế toán. Đây là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho vật liệu một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản phản ánh loại hàng tồn kho. Vì thế giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế hàng tồn kho, so sánh đối chiếu với số liệu hàng tồn kho trên sổ kế toán. Về nguyên tắc, số tồn kho thực tế phải hoàn toàn phù hợp với số hàng tồn kho trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân và có biện pháp xử lý kịp thời.

Phương pháp kê khai thường xuyên áp dụng cho các đơn vị sản xuất (công nghiệp, xây lắp...) và các đơn vị kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị; hàng có kỹ thuật, chất lượng cao.

**Tài khoản sử dụng:*

✓ **Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”:** Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng giảm của các loại nguyên liệu, vật liệu trong kho của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 152:

Bên Nợ: - Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mục ngoài, tự chế, thuê gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác.

- Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

Bên Có: - Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc đưa đi góp vốn.

- Trị giá nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá người mua.

- Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng.

- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm tra.

Số dư bên Nợ: Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

✓ **TK 151 “Hàng mua đang đi đường”**: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại vật tư, hàng hóa mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng còn đang chờ kiểm nhận nhập kho.

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như: TK111, TK112, TK331...

***Phương pháp hạch toán:**

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện trên sơ đồ 1.4

1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hóa, vật tư đã xuất dùng theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng} & & & & \text{Tổng trị giá} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{xuất kho} & = & \text{Trị giá hàng} & + & \text{hàng nhập} & - & \text{tồn kho} \\ \text{trong kỳ} & & \text{tồn kho đầu kỳ} & & \text{kho trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Theo phương pháp này, mọi biến động của vật tư hàng hóa (nhập, xuất, tồn kho) không theo dõi phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Giá trị của vật tư, hàng hóa mua vào nhập kho trong kỳ được theo dõi phản ánh trên một tài khoản kế toán riêng: TK611 “Mua hàng”.

Công tác kiểm kê vật tư, hàng hóa được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định trị giá vật tư, hàng hóa tồn kho thực tế; trị giá vật tư hàng hóa xuất kho trong kỳ làm căn cứ để ghi sổ kế toán của TK611 “Mua hàng”.

Áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán (để kết chuyển số dư đầu kỳ và cuối kỳ kế toán, phản ánh giá trị thực tế hàng tồn kho cuối kỳ)

***Tài khoản sử dụng:**

✓ **Tài khoản 611 “Mua hàng”**: Tài khoản này sử dụng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu mua vào, nhập kho, hoặc sử dụng trong kỳ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 611:

Bên Nợ: - Kết chuyển giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê).

- Giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, mua vào trong kỳ, hàng hoá đã bán bị trả lại, ...

Bên Có: - Kết chuyển giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê).

- Giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hoá xuất bán (chưa xác định là đã bán trong kỳ).

- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ hàng hoá mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

TK 611 không có số dư cuối kỳ.

✓ **Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”:** Dùng để phản ánh thực tế nguyên liệu, vật liệu tồn kho, chi tiết theo từng loại.

Bên Nợ: Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Bên Có: Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ.

Số dư bên Nợ: Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ

✓ **Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”:**

Bên Nợ: Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hoá, vật tư mua đang đi đường cuối kỳ.

Bên Có: Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hoá, vật tư đã mua đang đi đường đầu kỳ.

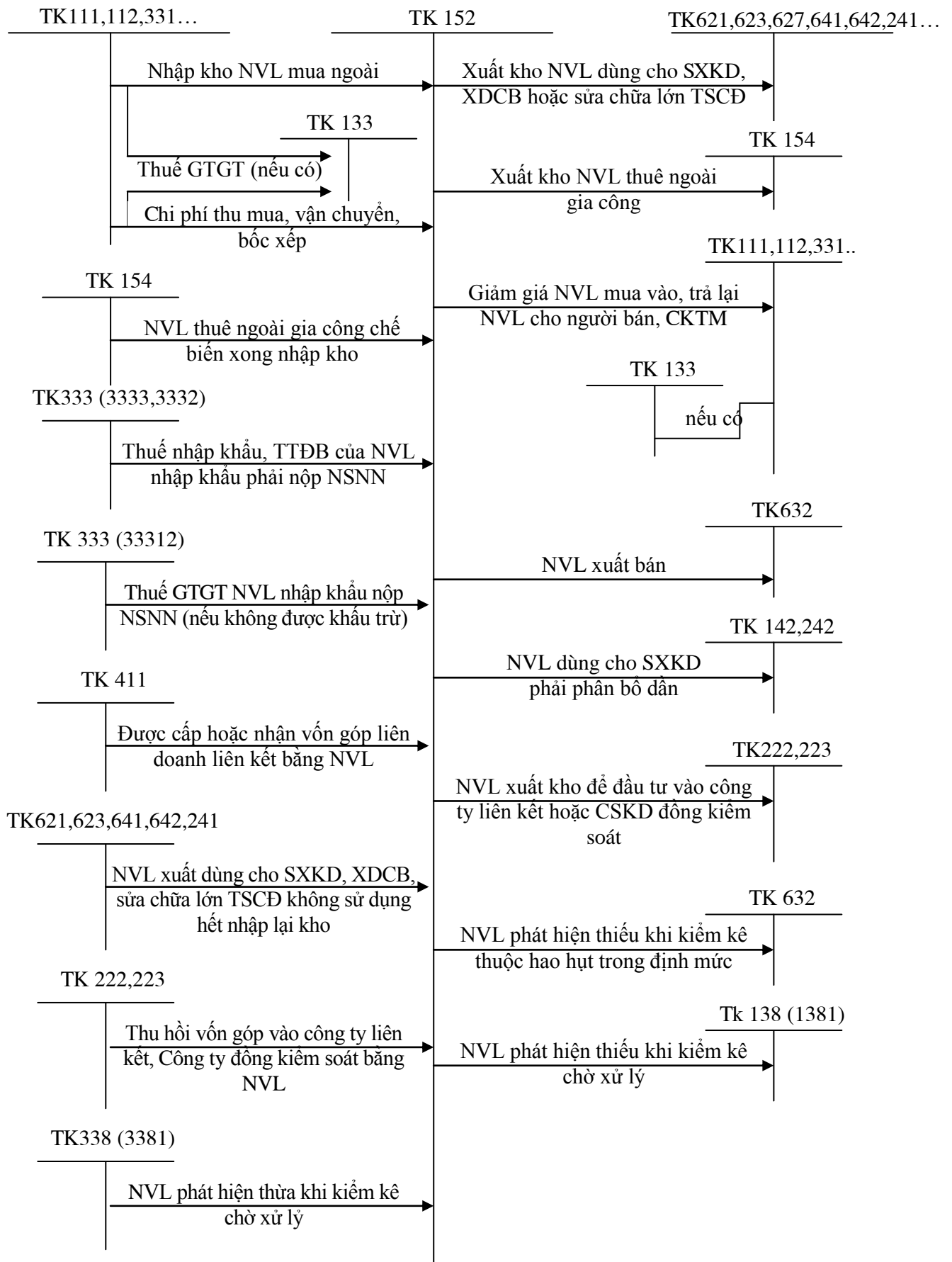
Số dư bên Nợ: Trị giá hàng hoá, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường.

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như: TK111, TK112, TK331...

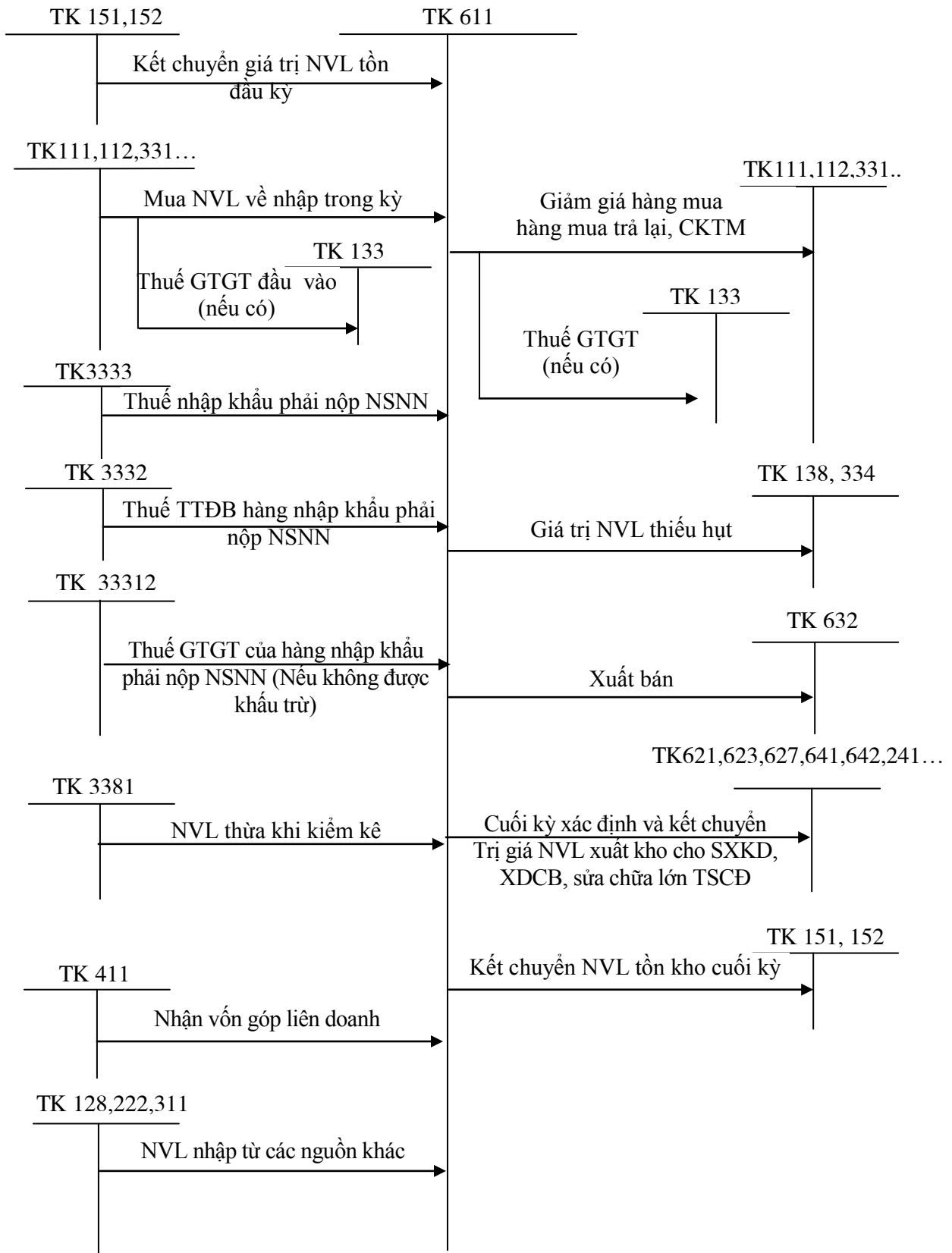
***Phương pháp hạch toán:**

Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai định kỳ được mô tả theo sơ đồ 1.5

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai định kỳ.



1.2.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Dự phòng là khoản dự tính trước để đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh phần giá trị bị ghi xuống thấp hơn so với giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá đồng thời cũng để phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán.

Trong chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho, quy định việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho và giá trị thuần chính là số dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được tính theo từng loại vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng tin cậy thu thập được tại thời điểm ước tính. Ngoài ra khi ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được phải xét đến mục đích của việc dự trữ hàng tồn kho.

Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Kết cấu và nội dung của tài khoản 159:

Bên Nợ: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số dư bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

Theo chế độ kế toán hiện hành, vào cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:
Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (bổ sung thêm) như sau:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (hoàn nhập) như sau:

Nợ TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC.

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Thương mại VIC.

- Tên giao dịch: Công ty TNHH Thương mại VIC
- Đơn vị quản lý: UBND TP Hải Phòng
- Trụ sở chính: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Hải Phòng
- Tel: 031.742976
- Fax: 031.742978

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thương mại VIC.

Ngày 27 tháng 4 năm 1999 Công ty TNHH Thương mại VIC chính thức được thành lập với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất thức ăn gia súc mang nhãn hiệu “Con Heo Vàng”.

Những ngày đầu thành lập Công ty VIC gặp nhiều khó khăn: nhà xưởng phải đi thuê, nhân công chỉ đếm trên đầu ngón tay và số vốn kinh doanh chỉ vài chục triệu đồng. Một thương hiệu Việt Nam được hình thành sớm và chấp nhận sự cạnh tranh không cân sức trên thị trường – trong bối cảnh mà các Công ty nước ngoài chiếm tới 90% thị phần và tập quán người chăn nuôi chỉ quen với những thương hiệu như Con Cò, Hidro....

Song với chiến lược sản xuất kinh doanh nhạy bén và đúng đắn, sự nỗ lực của Ban lãnh đạo công ty cùng với cán bộ công nhân viên, công ty đã có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng. Đặc biệt năm 2002 – Đánh dấu một sự kiện đặc biệt khi công ty khánh thành nhà máy Con Heo Vàng tại Hải Phòng và chính thức đi vào hoạt động, cũng kể từ đây thương hiệu Con Heo Vàng tại Hải Phòng đã chính thức đi vào hoạt động, cũng kể từ đây thương hiệu Con Heo Vàng bắt đầu ghi dấu ấn vững mạnh trên thị trường thức ăn gia súc bằng việc quan tâm đầu tư phát triển thương hiệu.

Với tốc độ tăng trưởng nhiều năm liên tục ở mức khá cao từ 150 – 200% đã tạo đà cho công ty có bước phát triển đột phá.

Tiếp theo nhà máy Hải Phòng, công ty đang tiếp tục xây dựng các nhà máy tại Nghệ An, Quy Nhơn, Đồng Tháp, hai chi nhánh tại Hà Nội, Nam Định và tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng như: Sản phẩm cho gia súc, gia cầm, đại gia súc. Công ty còn sản xuất các sản phẩm cho cá và tiến tới mở rộng ngành nghề kinh doanh các sản phẩm thịt sạch phục vụ người tiêu dùng.

Lúc đầu thành lập, công ty chỉ có một thương hiệu con Heo Vàng thì nay công ty đã có thương hiệu Ông Tiên, Thạch Sanh Thần, Cá Vàng, Heo Vàng, Vàng 10. Thương hiệu Con Heo Vàng đã đăng ký tại Lào, Campuchia, Trung Quốc và đã tiến hành xác lập nhà phân phối sản phẩm tại Lào.

Mạng lưới phân phối của công ty cũng được mở rộng, từ chỗ chỉ có vài chục đại lý bán lẻ thì hiện nay đã có gần 4000 đại lý bán lẻ và 40 nhà phân phối trên toàn quốc. Thương hiệu Con Heo Vàng đã được người chăn nuôi tin dùng và đánh giá cao

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty TNHH Thương mại VIC luôn quan tâm đến lợi ích của người chăn nuôi và bằng các phương pháp để giúp người chăn nuôi có lãi. Mục tiêu của Công ty TNHH Thương mại VIC là mong muốn xây dựng được thương hiệu Việt Nam trong lĩnh vực thức ăn gia súc với phương châm “ ***Chúng tôi là người Việt Nam & mong muốn người chăn nuôi Việt Nam có lãi***”

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Với sản phẩm thức ăn gia súc là dòng sản phẩm có sự biến đổi lớn khi giá cả nguyên liệu đầu vào thay đổi do phần nguyên liệu đầu vào của công ty đều phải nhập khẩu, bên cạnh đó sản phẩm đầu ra gặp nhiều khó khăn do giá xuất khẩu liên tục biến động, hơn thế nữa là các sản phẩm đầu ra chủ yếu tiêu thụ nội địa nên giá trị thặng dư không cao. Một đặc thù trong vấn đề kinh doanh thức ăn chăn nuôi đó là phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết, tình hình dịch bệnh. Minh chứng rõ nhất là tình hình dịch bệnh hoành hành trong những năm qua khiến tình hình tiêu thụ gặp rất nhiều khó khăn.

❖ Quy trình sản xuất

Hiện nay công ty đang sản xuất 2 loại sản phẩm chính là thức ăn gia súc đậm đặc và thức ăn gia súc hỗn hợp dạng viên do vậy quy trình sản xuất của doanh nghiệp có 2 loại.

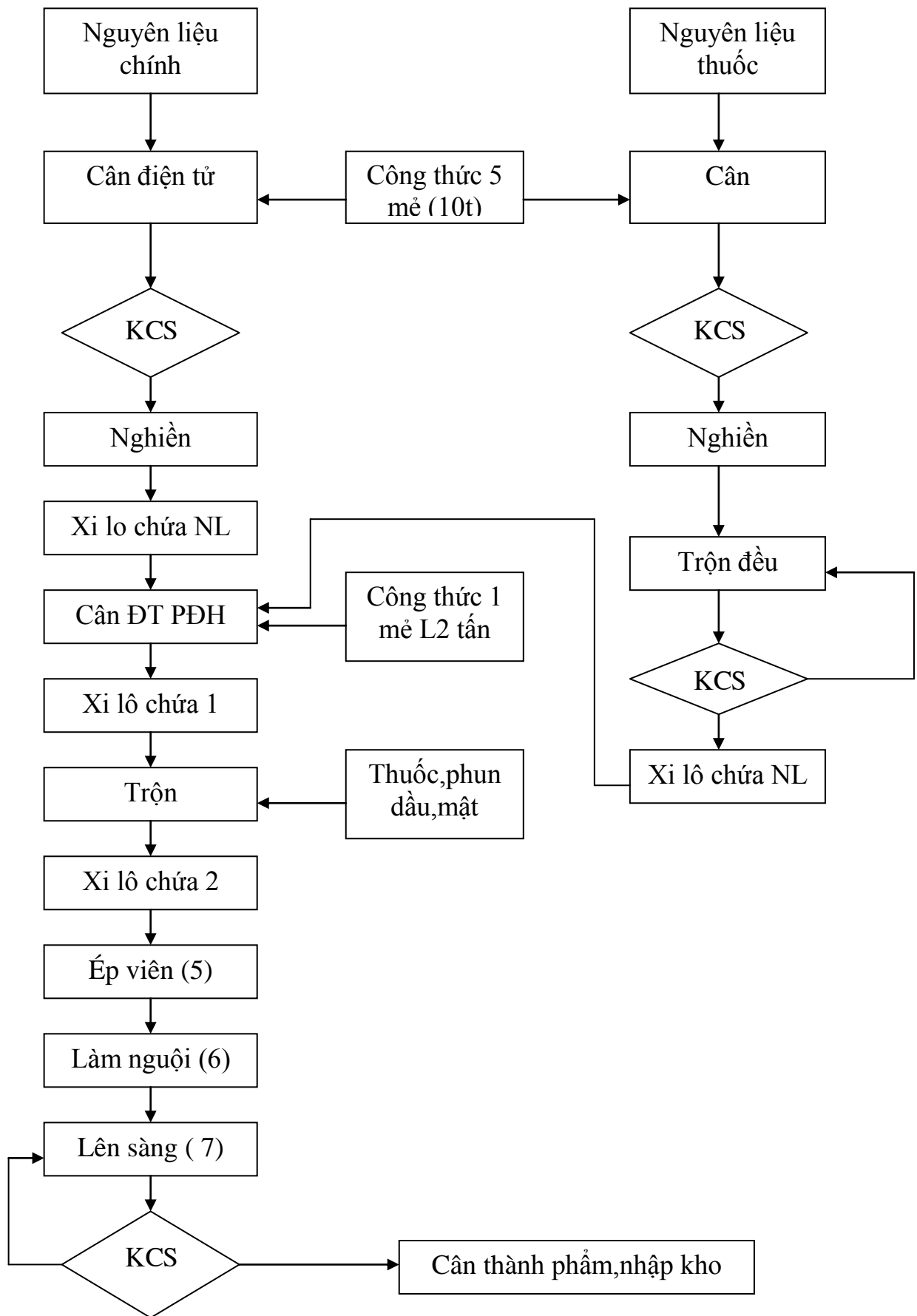
Quy trình sản xuất của doanh nghiệp rất chặt chẽ, doanh nghiệp luôn chú trọng trong việc kiểm tra giám sát chất lượng sản phẩm ở đầu vào cũng như đầu ra. Doanh nghiệp đã tiến hành mua máy móc thiết bị hiện đại để sản xuất nên quy trình sản xuất sản phẩm diễn ra một cách liên tục và tự động hóa. Việc tự động hóa quy trình sản xuất giúp chuyển chức năng điều khiển máy móc thiết bị của người công nhân cho thiết bị tự động hóa và người công nhân chỉ làm nhiệm vụ theo dõi giám sát hoạt động của máy móc nên doanh nghiệp giảm bớt được chi phí nhân công, đảm bảo được sự chính xác khi trộn, pha chế nguyên vật liệu đầu vào nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế cao.

Quy trình sản xuất thức ăn gia súc hỗn hợp dạng viên(sơ đồ 2.1.1)

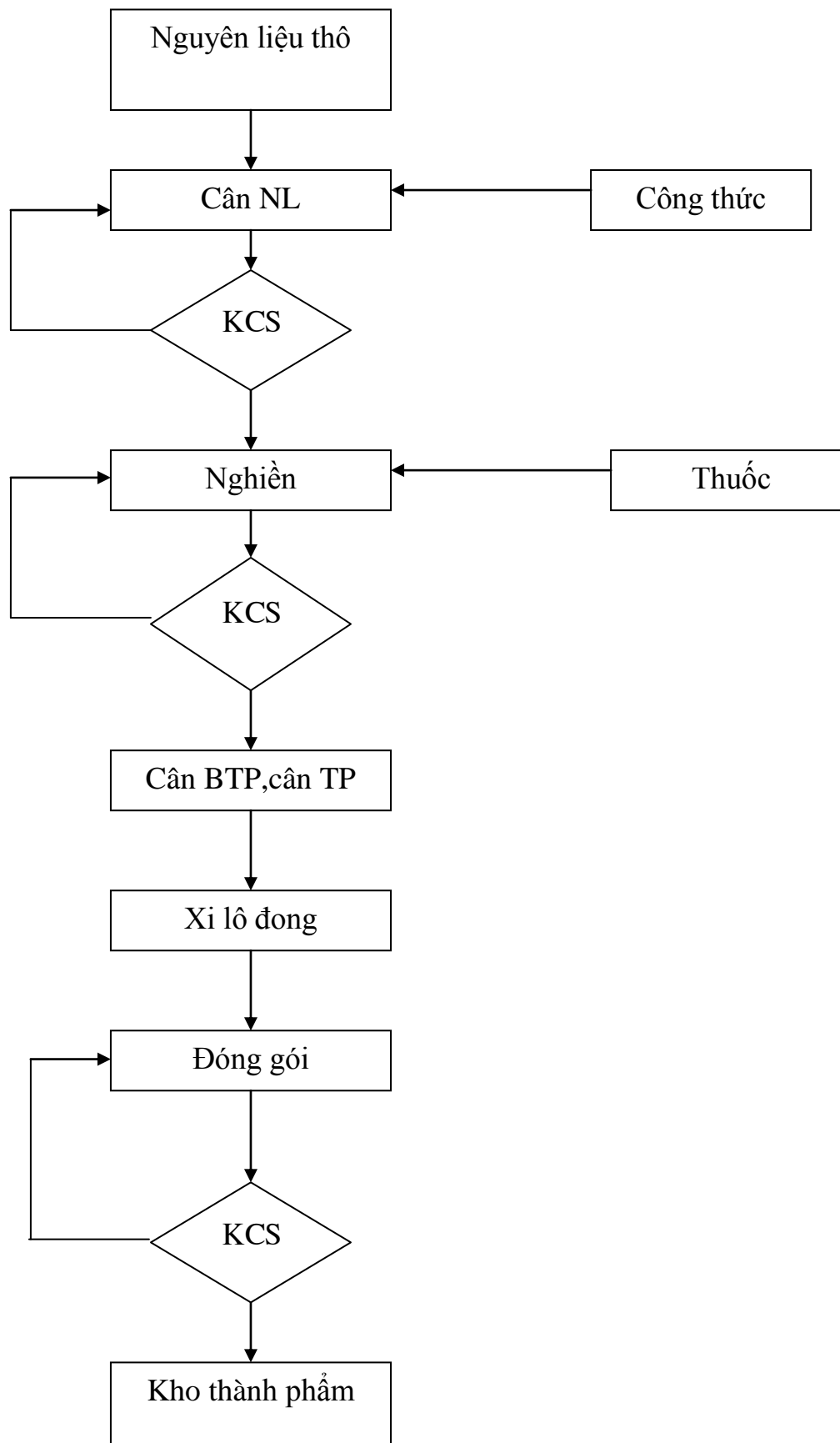
- Thuốc, nguyên liệu đổ vào máy trộn
- Thời gian trộn 6-8 phút
- Thời gian xả viên : 2/3 máy làm nguội

Quy trình sản xuất thức ăn gia súc đậm đặc (sơ đồ 2.1.2)

- Thuốc trộn khi nghiền xong nguyên liệu thô. Thuốc trộn theo nguyên tắc nhẹ trộn trước, nặng trộn sau, ít trộn trước, nhiều trộn sau
- Thời gian trộn 10-12 phút/mẻ
- Cân thuốc: quy trình cân có đánh dấu



Sơ đồ 2.1: Quy trình sản xuất thức ăn gia súc hỗn hợp dạng viên



Sơ đồ 2.2: Quy trình sản xuất thực ăn gia súc đậm đặc.

❖ **Đặc điểm thị trường:**

➤ *Đặc điểm thị trường đầu vào:*

Gần 90% nguyên liệu có nguồn gốc nhập khẩu. Mặt hàng nhập khẩu chính là khô đậu, đậu tương. Công ty thường mua từ các nước: Ấn Độ, Trung Quốc, Achantina, Hoa Kỳ. Thị trường nhập khẩu của công ty rất rộng: Châu Á, Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc. Các nhà cung cấp của Công ty hầu hết là các hãng lớn, có uy tín trên thị trường. Trong đó có một số nhà cung cấp đã làm ăn lâu năm với Công ty và họ thường dành cho công ty một số ưu đãi về số lượng, giá cả, điều kiện thanh toán do đó họ coi VIC là khách hàng uy tín số một.

➤ *Đặc điểm thị trường đầu ra.*

Bảng số 2.1. Bảng sản lượng tiêu thụ

Đơn vị tính: tấn

Năm / Chỉ tiêu	2007	2008	2009
Sản phẩm đậm đặc	47.398	65.376	58.596
Sản phẩm hỗn hợp	23.699	32.688	29.099

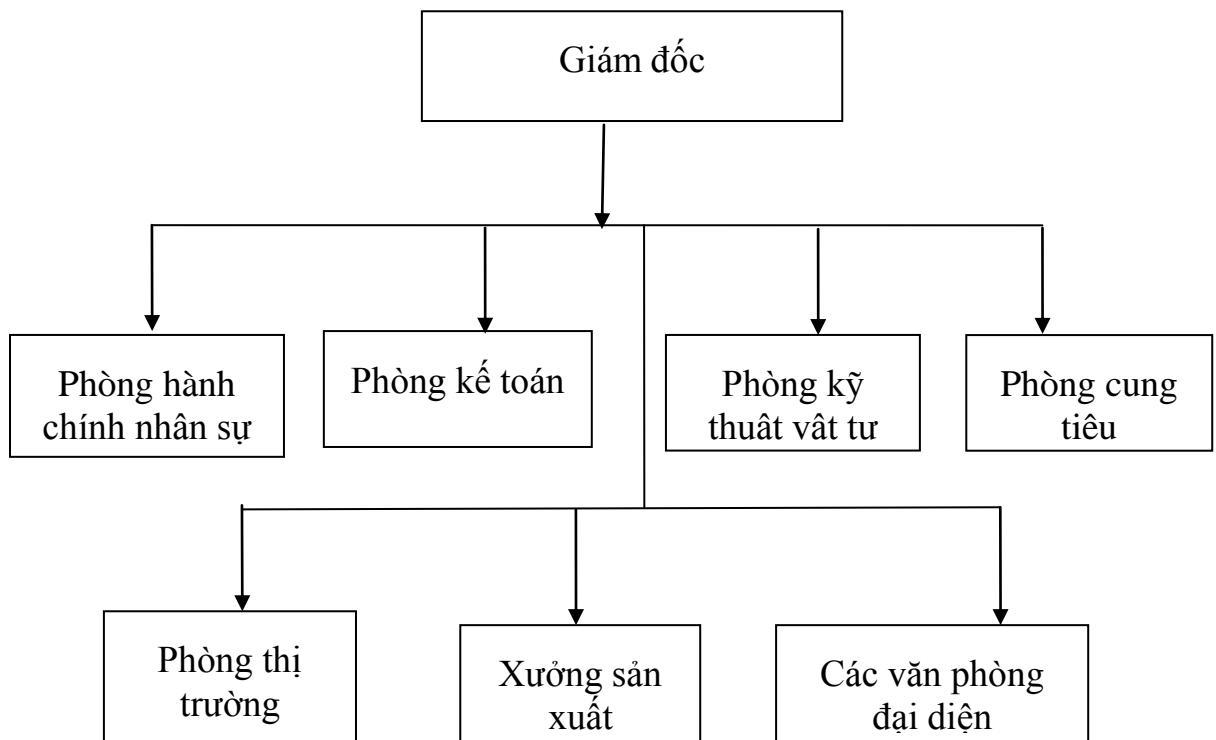
Qua bảng trên ta thấy: mặc dù đầu tư trong năm 2009 khá cao nhưng sản lượng tiêu thụ năm 2009 không tăng so với năm 2008 thậm chí còn giảm sút hơn so với năm 2008 nguyên nhân là do:

Năm 2009 là năm cực kỳ khó khăn của thị trường chăn nuôi Việt Nam nói chung và của VIC nói riêng do đàn lợn giảm sút vì dịch bệnh, điều kiện thời tiết khắc nghiệt dẫn đến tâm lý chán nản của người chăn nuôi. Đặc biệt là giá cả nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi tăng cao và biến động mạnh.

Năm 2009 là năm khó khăn thách thức sự tồn tại và phát triển của tổng công ty khi mà số đàn lợn được đánh giá chỉ bằng 50 – 60% của năm 2008 và giá cả nguyên liệu tăng 150 – 200%. Năm 2009, sản lượng đậm đặc của công ty đạt 55 ngàn tấn bằng 76% so với năm 2008 và bằng 62% kế hoạch năm. Đây là giai đoạn được đánh giá là khó khăn nhất, gây ảnh hưởng đến thu nhập của cán bộ công nhân viên.

Tuy trong khó khăn như vậy, nhưng công ty vẫn tiếp tục và duy trì ổn định để phát triển.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH Thương mại VIC



Sơ đồ 2.3: Mô hình bộ máy quản lý doanh nghiệp

✓ **Giám đốc công ty:** Là người đứng đầu công ty, đại diện cho công ty trước pháp luật, trực tiếp điều hành, đề ra các chiến lược phát triển cho công ty, chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh. Là người trực tiếp tham gia kí kết các hợp đồng kinh tế, lựa chọn và đề ra các quyết định phương án kinh doanh, làm tròn nghĩa vụ với nhà nước.

✓ **Phòng hành chính nhân sự:** Phòng có trách nhiệm tuyển dụng và đào tạo lao động lương thưởng cho cán bộ công nhân viên. Thực hiện các công tác hành chính văn phòng như: tiếp khách, photo, lưu trữ, đảm bảo văn hóa công ty (trang phục, nề nếp làm việc..) và các công tác hành chính khác.

✓ **Phòng tài chính kế toán:** Có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp và xử lý các số liệu thông tin về công tác tài chính kế toán, tham mưu cho giám đốc về hiệu quả của dòng vốn kinh doanh cũng như trong việc lựa chọn và quyết định các phương án kinh doanh...

✓ **Phòng kỹ thuật vật tư:** Đảm nhận công tác xuất nhập khẩu của công ty giao nhận vật tư, công tác giám sát kiểm tra chất lượng sản phẩm, giải quyết và

thực hiện các qui trình phản hồi của công ty khi có khiếu nại của người chăn nuôi thực hiện các quy trình khảo nghiệm.

✓ *Phòng tiêu thụ:* Phòng có chức năng tổ chức và giám sát việc tiêu thụ sản phẩm bao gồm hệ thống bán lẻ tới các hộ gia đình, giám sát và đơn đốc việc tiêu thụ của các đại lý cấp I.

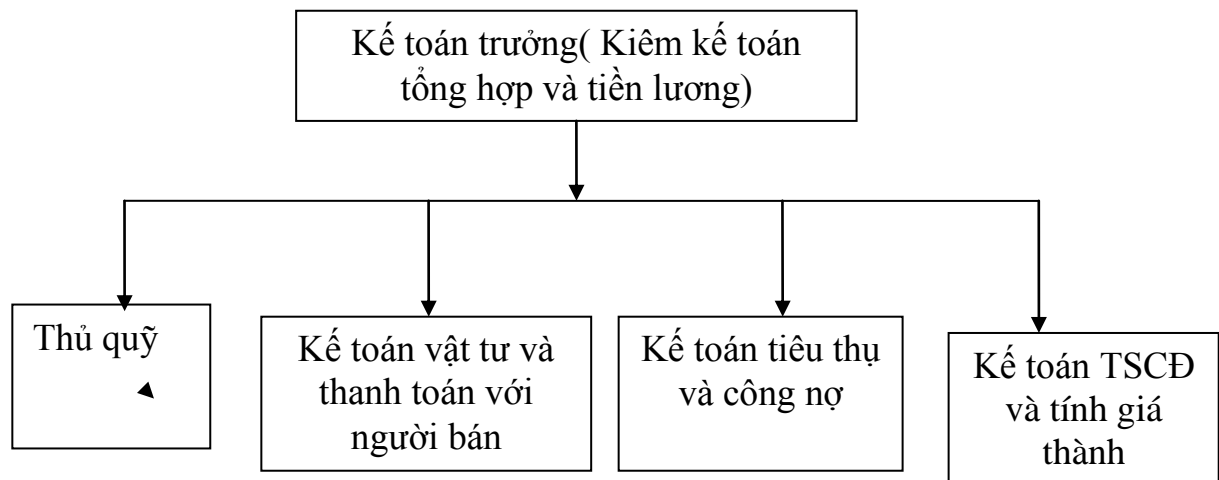
✓ *Phòng thị trường:* Tiến hành nghiên cứu đánh giá mở rộng thị trường. Xây dựng các kế hoạch thị phần, thị trường, mở rộng công tác tiêu thụ.

✓ *Phân xưởng sản xuất:* Nơi trực tiếp tổ chức sản xuất ra các sản phẩm theo kế hoạch đề ra. Người chịu trách nhiệm quản lý và điều hành tại phân xưởng là quản đốc phân xưởng, dưới là các phó quản đốc, tổ KCS, tổ trưởng các máy và công nhân

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại VIC.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán:

Hình thức tổ chức kế toán của Công ty là hình thức tập trung. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty được thể hiện qua sơ đồ 2.4.



Sơ đồ 2.4: Mô hình bộ máy kế toán của doanh nghiệp

Đứng đầu bộ máy kế toán là kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp và kế toán tiền lương: Có chức năng giám sát mọi hoạt động chung của phòng kế toán. Theo dõi tình hình thanh toán lương, phụ cấp, trợ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ với các cán bộ công nhân trong toàn công ty. Cuối kỳ tập hợp các khoản mục chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tổng hợp số liệu báo cáo tài chính, tư vấn lên giám đốc cho hoạt động tương lai của công ty.

Kế toán nguyên liệu kiêm kế toán thanh toán với người bán: theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho đối với nguyên vật liệu, đồng thời công theo dõi tình hình thanh toán với nhà cung cấp.

Kế toán tiêu thụ và phải thu khách hàng: Theo dõi tình hình tiêu thụ sản phẩm tại các đại lý cũng như tình hình thanh toán công nợ của người mua.

Kế toán TSCĐ kiêm kế toán tổng hợp chi phí và tính giá thành: Có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm các TSCĐ, đồng thời tổ chức tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Thủ quỹ: Đảm bảo các hoạt động quản lý và chi trả tiền trong các hoạt động giao dịch của công ty.

2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán tại Công ty.

Công ty vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo QĐ số 15/2006 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản tại Công ty.

Công ty vận dụng hệ thống Tài khoản kế toán ban hành theo QĐ số 15/2006 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

2.1.4.4. Chế độ kế toán Công ty áp dụng.

Đơn vị tiền tệ mà Công ty sử dụng là Việt Nam đồng (đ).

Kỳ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

Công ty tính khấu hao tài sản cố định theo phương pháp khấu hao đều.

Phương pháp kế toán tổng hợp hàng tồn kho theo phương pháp Kê khai thường xuyên.

Phương pháp tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp: Bình quân gia quyền cả kỳ.

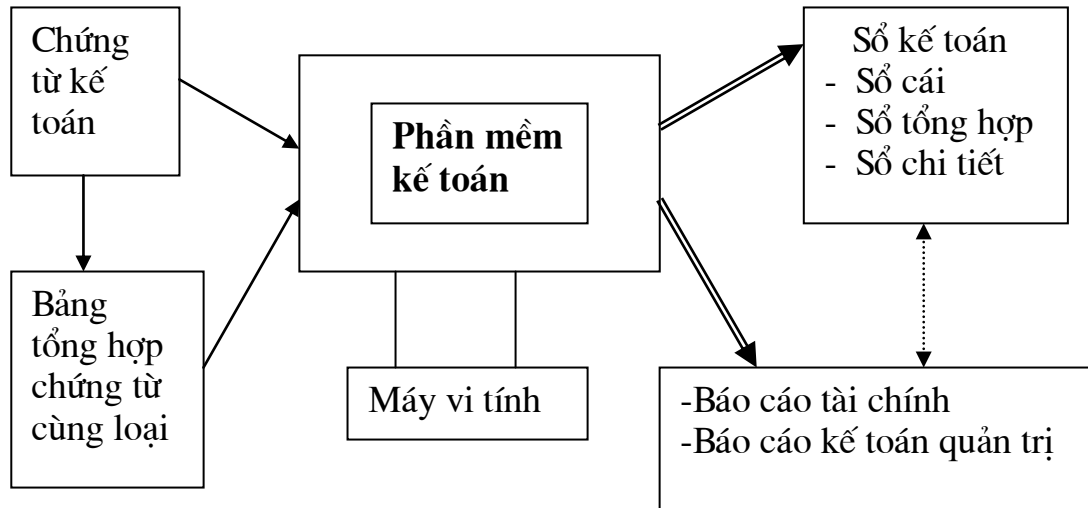
Hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty.

Công ty đang sử dụng hệ thống phần mềm kế toán máy EFFECT theo sổ Nhật ký chung.

Hệ thống sổ sách kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ban hành ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định chế độ kế toán thống nhất trong cả nước.

Giới thiệu phần mềm kế toán EFFECT.



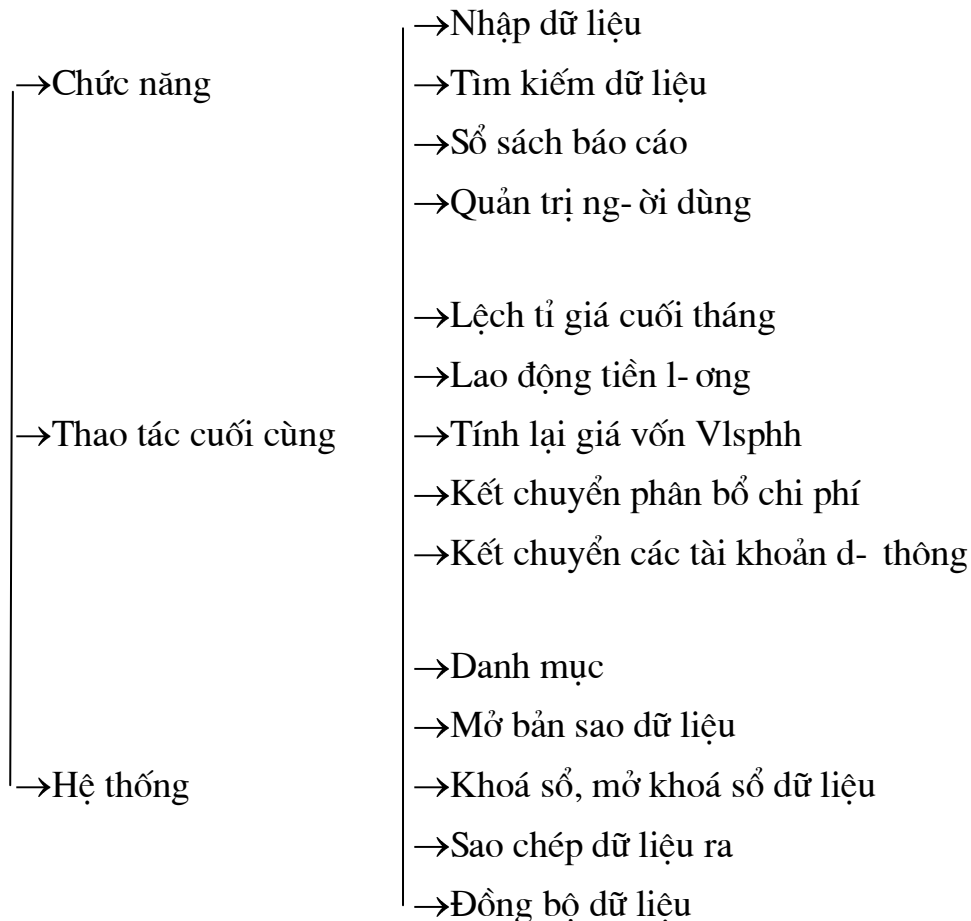
Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán trên máy

Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ⇄

EFFECT là một phần mềm có mức độ tự động hóa cao. EFFECT luôn có khả năng trợ giúp cho các nhân viên kế toán một cách tối đa, nhân viên kế toán chỉ phải thực hiện một số ít các thao tác còn lại.

Màn hình EFFECT được thiết kế bao gồm những phần sau:



Phần cập nhật dữ liệu đầu vào: Cập nhật dữ liệu phát sinh là phần việc quan trọng của kế toán vì đây là các thông tin đầu vào của hệ thống sổ sách báo cáo. Danh mục loại chứng từ được phân thành nhiều nhóm để có thể cập nhật tất cả các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày.

Phần tìm kiếm, sửa hủy dữ liệu: Giúp người sử dụng có thể tìm kiếm dữ liệu dưới dạng các chứng từ gốc đã nhập để xem, sửa, hủy khi cần thiết việc tìm kiếm dữ liệu được thực hiện bằng cách nhập các điều kiện lọc.

Phần các thao tác cuối tháng: Bao gồm các giao diện giúp người thực hiện các công việc kế toán tổng hợp như: kết chuyển chi phí, tính giá thành, kết chuyển các tài khoản không có số dư.

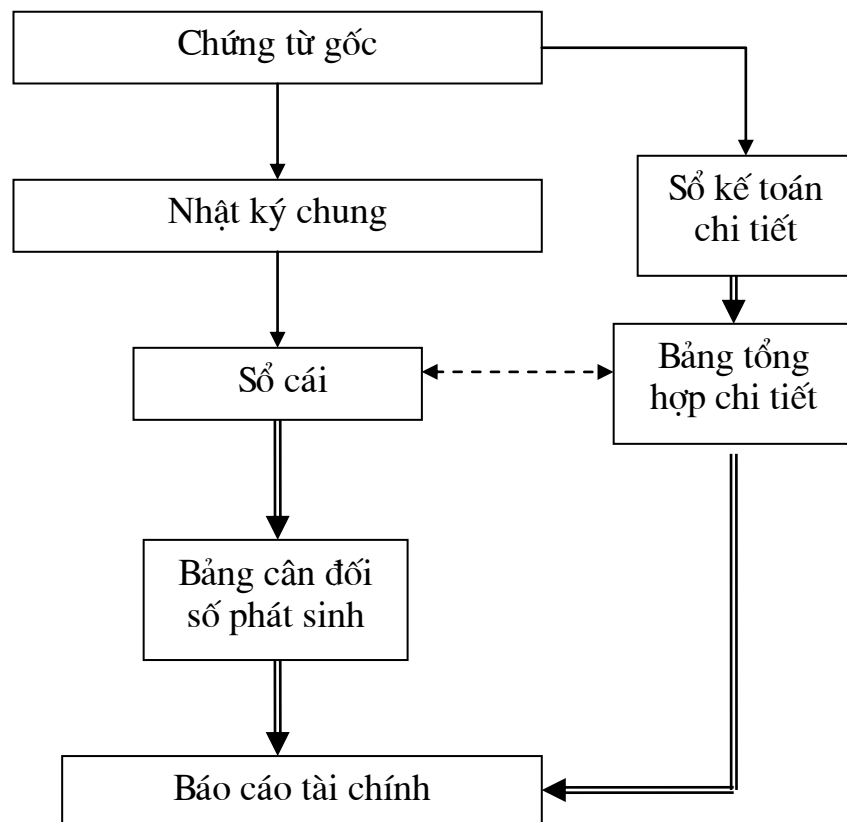
Phần xem, in sổ sách báo cáo khai thác thông tin đầu ra: Giao diện giúp người dùng xem được các thông tin sổ sách báo cáo trên màn hình hoặc in ra.

Phần đặt các cấu hình hệ thống: Bao gồm các tham số cấu hình về kế toán.

Phần các thao tác hệ thống: Bao gồm các nội dung như an toàn về dữ liệu (lưu bản sao, mở bản sao dữ liệu...) khóa sổ dữ liệu.

Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán, chế độ thể lệ kế toán, quy mô đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, trình độ của đội ngũ kế toán yêu cầu quản lý cũng như điều kiện trên máy vi tính. Công ty đã áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản phù hợp với quy mô của doanh nghiệp vừa và nhỏ, đồng thời trong điều kiện công ty đã áp dụng kế toán máy thì giúp hệ thống hoá thông tin chính xác khoa học.

Hệ thống sổ sách báo cáo của công ty cũng khá linh hoạt và đầy đủ phù hợp với chế độ quy định của nhà nước.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: \longrightarrow
- Ghi cuối quý: \Longrightarrow
- Đối chiếu : \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

Hàng ngày kế toán căn cứ vào hoá đơn chứng từ, ghi lại dữ liệu trên cửa sổ nhập dữ liệu của phần mềm kế toán. Phần mềm sẽ tự động cập nhập dữ liệu tới các sổ liên quan: sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết tài khoản kế toán, sổ cái tài khoản. Đến cuối tháng từ sổ cái tài khoản kế toán vào bảng cân đối số phát sinh và sau đó vào đến Báo cáo tài chính.

Khi cần theo dõi tài khoản, các sổ chi tiết. Kế toán sử dụng chức năng tìm kiếm dữ liệu. Phần mềm sẽ đưa ra những thông tin cần tìm, theo dõi.

2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại VIC.

2.2.1. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu tại Công ty.

2.2.1.1. Phân loại nguyên vật liệu tại Công ty TNHH thương mại VIC.

Tuỳ doanh nghiệp sử dụng nhiều loại vật liệu khác nhau nhưng do có đặc tính sử dụng và công dụng gần như nhau trong quá trình chế biến. Nên nguyên vật liệu của công ty được chia thành 2:

- Nguyên vật liệu chính: là đối tượng lao động cấu thành nên thực thể sản phẩm bao gồm: Khô cải, vỏ sò, vỏ huyết, tấm gạo, cám gạo, đậu tương, ngô nỏ, ngô rang, bột cá, bột sắn, dầu cá, Các loại thuốc như Choline, Methionine ..

- Nguyên vật liệu phụ: là những vật liệu khi sử dụng chỉ có tác dụng làm tăng chất lượng, hoàn chỉnh sản phẩm trong quá trình sản xuất như: vỏ bao bì dung để đóng gói

Để thuận tiện cho quá trình quản lý cũng như cung cấp thông tin về từng loại nguyên vật liệu cụ thể, đồng thời với phần mềm kế toán Công ty áp dụng. Công ty đã phân loại chi tiết tới từng nguyên vật liệu và lập danh điểm nguyên vật liệu quy định cho mỗi loại nguyên vật liệu một mã riêng bằng hệ thống các chữ cái để thay thế tên gọi quy cách kích cỡ của chúng. Với cách mã hoá này khi có các nghiệp vụ nhập khẩu nguyên vật liệu thì có thể dễ dàng khai báo thêm. Việc mã hoá tên các vật liệu của Công ty hiện nay được xây dựng trên cơ sở nguồn gốc nhập và công dụng của các loại vật liệu.

2.2.1.2. *Tính giá nguyên vật liệu:*

Nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại VIC được đánh giá thực tế của từng loại vật liệu. Việc tính giá thực tế nhập, xuất kho cụ thể như sau:

*** Tính giá nguyên vật liệu nhập kho:**

Nguồn nhập khẩu nguyên vật liệu chính của Công ty chủ yếu là do mua ngoại trong đó nhập khẩu từ nước ngoài là 90%, nhập trong nước là 10%. Chính vì vậy, việc đánh giá trị giá thực tế của vật liệu nhập kho gồm:

Tổng hợp giá nhập khẩu: Đối với vật liệu nhập khẩu, doanh nghiệp phải tính thuế theo “giá CIF”* và tính thuế GTGT phải nộp ngân sách Nhà nước của hàng nhập khẩu.

*Giá CIF là giá của hàng hóa nhập khẩu tính tại biên giới hải quan của nước nhập khẩu trước khi đóng bất kỳ loại thuế nhập khẩu hay thuế khác đánh vào hàng nhập khẩu. Giá CIF của hàng nhập khẩu không bao gồm phí vận tải và phí thương nghiệp để chuyên chở hàng nhập khẩu trong phạm vi của nước nhập khẩu. Hàng nhập khẩu tính theo giá CIF bằng hàng nhập khẩu tính theo giá FOB cộng với phí vận tải và phí bảo hiểm giữa biên giới hải quan của nước xuất khẩu và biên giới hải quan của nước nhập khẩu.

Trị giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho	=	Giá mua thực tế (không có thuế)	+	Chi phí mua thực tế	+	Thuế nhập khẩu và các loại thuế không đ- ợc hoàn lại	-	Các khoản giảm trừ
---	---	---------------------------------	---	---------------------	---	--	---	--------------------

Ví dụ 2.1: Ngày 31 tháng 12 năm 2009, mua nguyên vật liệu ngô hạt của công ty TNHH sản xuất và thương mại Sao Mai. Theo hoá đơn GTGT số với số lượng 44.900kg và đơn giá là 4.850đ. Chi phí kiểm dịch, cân hàng, lưu bãi, phí nâng hàng... là 3.681.800đ, phí vận chuyển là: 3.159.613đ, tiền bảo hiểm hàng hoá là: 372.580đ.

Vậy giá thực tế nhập kho là:

$$(44.900 \times 4.850) + 3.681.800 + 3.159.613 + 372.580 = 224.978.993\text{đ}$$

*** Tính giá nguyên vật liệu xuất kho:**

Với đặc điểm sản phẩm sản xuất ra hàng loạt, nhu cầu về nguyên vật liệu rất lớn cả về số lượng chủng loại, quá trình nhập xuất diễn ra thường xuyên. Công ty đã tính trị giá nguyên vật liệu xuất theo phương pháp bình quân, mà cụ thể là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ.

$$\text{Giá bình quân đơn vị cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Trị giá thực tế NVL xuất kho} = \text{Số lượng NVL xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ}$$

Ví dụ 2.2: Tình hình nhập xuất tồn kho của nguyên vật liệu ngô hạt trong tháng 12 năm 2009 như sau:

Tồn đầu tháng 12 là: 447.271 kg và đơn giá 3.970,132.

Tính ra trị giá hàng tồn đầu tháng 12 là : 1.775.724.775 đ

Số lượng nhập ngô hạt trong tháng 12 là: 745.465kg. Trị giá là: 3.186.508.921 đ

Chi phí vận chuyển nguyên vật liệu Ngô hạt trong tháng 12 là: 34.000.000đ

Chi phí bảo hiểm nguyên vật liệu Ngô hạt trong tháng 12 là: 4.009.000đ

Chi phí làm thủ tục nhập khẩu Ngô hạt trong tháng 12 là: 39.630.228đ

=> Trị giá nhập kho của ngô hạt trong tháng 12 là: 3.264.148.149đ

Đơn giá bình quân ngô hạt tháng 12 năm 2009 là:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{1.775.724.775 + 3.264.148.149}{447.271 + 745.465} = 4.225,47\text{đ/kg}$$

Ngày 1/12/2009, xuất vật tư xuống tổ sản xuất 2.280kg .

Trị giá hàng xuất kho là: 2.280 x 4.225,47 = 9.634.077đ

Trị giá xuất kho Ngô hạt tháng 12 là:

$$819.979 \text{ kg} \times 4.225,47\text{đ/kg} = 3.464.798.550\text{đ}$$

2.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại VIC.

2.2.2.1 Thủ tục nhập- xuất kho nguyên vật liệu.

*** Trình tự nhập kho:**

Việc quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu nhập kho là vấn đề quan trọng, giúp Công ty đảm bảo được tình hình cung cấp nguyên vật liệu, đánh giá được việc thường xuyên cung cấp nguyên vật liệu, đánh giá được chi phí đầu vào của Công ty. Do đó các chứng từ hóa đơn phải được lưu giữ đầy đủ theo quy định hiện hành.

Chứng từ sử dụng cho thủ tục nhập nguyên vật liệu gồm:

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu nhập kho.

Trình tự nhập kho:

Khi nguyên vật liệu về đến Công ty, phòng kỹ thuật vật tư sẽ kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hóa đơn và tiến hành kiểm tra về mặt số lượng, chất lượng nguyên vật liệu nhập kho khi tổ chức bốc xếp vào kho. Trong trường hợp nguyên vật liệu nhập kho kém phẩm chất, không đủ số lượng thì phải báo ngay với phòng kỹ thuật vật tư và cùng với bộ phận kiểm tra chất lượng tiến hành kiểm tra lại lô hàng để có biện pháp xử lý kịp thời.

Phiếu nhập kho được lập khi có đủ chữ ký của các bên có liên quan. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

- Liên 1: Lưu tại kho.
- Liên 2: Giao cho người giao hàng.
- Liên 3: Giao cho thủ kho để vào thẻ kho, rồi chuyển cho kế toán để vào sổ.

Đối với trường hợp nguyên vật liệu nhập ngoại, phiếu nhập kho, thủ kho vẫn viết bình thường. Tuy nhiên quy trình dữ liệu vào máy sẽ có thêm cột thuế nhập khẩu.

***Trình tự xuất kho:**

Nguyên vật liệu tại Công ty được dùng chủ yếu cho sản xuất, ngoài ra khi có yêu cầu có thể xuất bán hoặc xuất khác. Tuy nhiên, cũng đòi hỏi các chứng từ có liên quan đến nghiệp vụ xuất cũng phải được phê chuẩn đầy đủ và hợp lệ.

Từ các phiếu xuất kho, thủ kho vào thẻ kho để theo dõi mặt số lượng của nguyên vật liệu xuất kho. Mỗi thẻ kho được mở cho từng loại nguyên vật liệu.

Kế toán kiểm tra tính hợp pháp hợp lệ của phiếu xuất kho (phải có đủ chữ ký của người có liên quan), sau đó tính giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho để điền vào phiếu.

Phiếu xuất kho được lập thành 2 liên:

- Liên 1: Lưu tại kho.
- Liên 2: Giao cho thủ kho để vào thẻ kho, rồi chuyển cho kế toán để vào sổ.

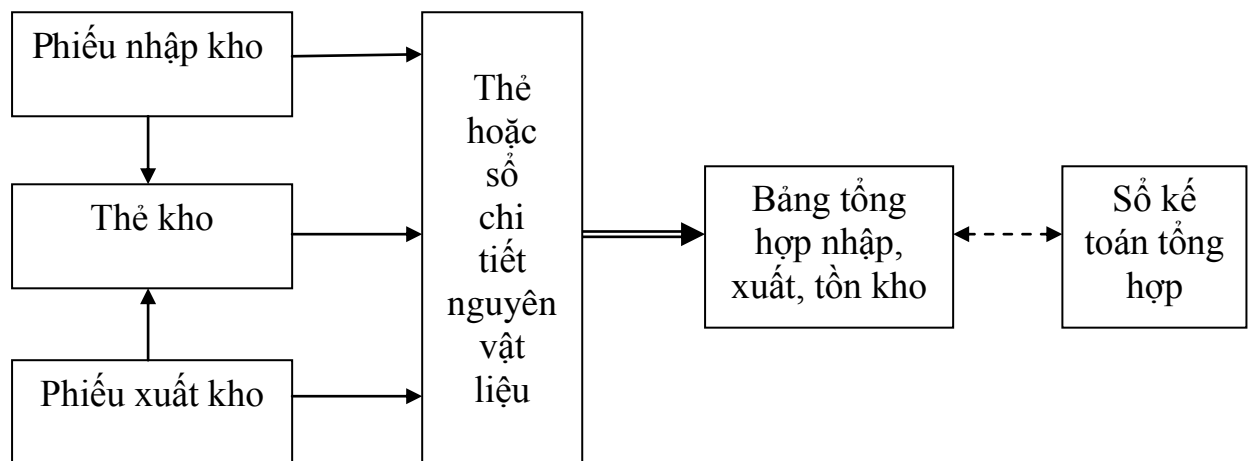
2.2.2.2 Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty.

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là công việc kết hợp chặt chẽ giữa việc hạch toán nghiệp vụ của thủ kho và việc ghi chép kế toán tại phòng kế toán Công ty trong việc quản lý vật tư mà ở đó thủ kho có trách nhiệm quản lý về mặt số lượng còn kế toán kiểm soát cả mặt số lượng và giá trị.

Công việc hạch toán chi tiết là công việc khá phức tạp đòi hỏi phải phản ánh kịp thời, đầy đủ cả về mặt hiện vật và giá trị trong quá trình kiểm soát các loại nguyên vật liệu.

Quá trình nhập xuất tại Công ty diễn ra rất thường xuyên liên tục nên hiện tại doanh nghiệp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song.

Trình tự kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty được mô tả theo sơ đồ 2.7.



Sơ đồ 2.7: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song.

Ghi chú:

Ghi hàng ngày	—————>
Ghi cuối tháng hoặc định kỳ	══════════>
Quan hệ đối chiếu kiểm tra	←----->

* **Tại kho:** Hàng ngày, thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho, cuối tháng tính ra số tồn kho ghi vào thẻ kho. Hàng ngày sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho về phòng kế toán. Đối với loại nguyên vật liệu phục vụ cho nhu cầu riêng của từng đơn hàng thì không ghi thẻ kho.

***Tại phòng kế toán:**

Tại phòng kế toán, kế toán phải theo dõi tình hình nhập-xuất nguyên vật liệu theo cả chỉ tiêu số lượng và chỉ tiêu giá trị. Sau khi kiểm tra các nội dung chủ yếu của chứng từ kế toán, khi đã đủ điều kiện, kế toán viên ký tên và trình lãnh đạo ký. Lãnh đạo phòng kiểm tra lại lần nữa khi đã đủ điều kiện thì ký tên. Khi đã đầy đủ dữ liệu và số liệu, kế toán vào các sổ sách chứng từ liên quan: sổ chi tiết nguyên vật liệu.

Định kỳ 3 ngày kế toán sẽ xuống dưới kho để kiểm tra việc ghi chép đồng thời nhận và hoàn chỉnh chứng từ. Sau đó phân loại vật liệu và tiến hành nhập vào máy theo từng nghiệp vụ. Tại màn hình giao diện chính chọn mục nhập dữ liệu, màn hình nhập nguyên vật liệu hiện ra. Tại ô loại chứng từ ta có thể chọn các phiếu nhập, phiếu xuất. Khi cập nhật dữ liệu trên máy, kế toán nhập số hiệu của chứng từ, ngày tháng phát sinh nghiệp vụ và nội dung của chứng từ theo các nội dung cài đặt sẵn trên màn hình.

Đối với vật liệu nhập kho, kế toán nhập số lượng, đơn giá, đơn vị khách hàng, sau đó máy sẽ tự động tính thành tiền.

Đối với nghiệp vụ xuất kho, kế toán nhập số liệu xuất, xác định đối tượng chi phí, đơn giá xuất máy sẽ tự động tính theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ.

Sau khi cập nhật xong chứng từ vào máy, máy sẽ quản lý vật liệu theo tên hoặc mã quy định. Khi muốn xem sổ chi tiết nào đó chỉ cần đánh tên vật liệu hoặc mã của vật liệu đó. Ta có thể xem chi tiết số liệu của từng loại vật liệu theo ngày, tháng, năm .

Các loại sổ có thể xem là: Sổ chi tiết vật tư, Bảng cân đối vật tư, bảng cân đối vật tư theo mã.

Ví dụ2.3: Ngày 08 tháng 12 năm 2009, căn cứ vào tờ khai hải quan điền từ (biểu số 2.3), đưa nguyên vật liệu Khô đậu Ấn Độ từ cảng Hải Phòng về nhập kho. Khi hàng chuyên giao về Công ty, phòng Kế hoạch vật tư sẽ tiến hành kiểm tra, nếu không có gì sai phạm, nhân viên kế toán nguyên vật liệu sẽ viết phiếu nhập kho (biểu số 2.4)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009, xuất kho nguyên vật liệu Khô đậu Ấn Độ theo phiếu xuất vật tư số 6816 (biểu số 2.5)

Từ các phiếu nhập, phiếu xuất, thủ kho ghi vào thẻ kho của nguyên vật liệu Khô đậu Ấn Độ (biểu số 2.6).

Đồng thời, kế toán cũng tiến hành nhập dữ liệu vào máy vi tính (biểu số 2.7, 2.8, 2.9).

Phần mềm kế toán sẽ tự động cập nhật số liệu vào Sổ chi tiết nguyên vật liệu Khô đậu (biểu số 2.11).

Cuối tháng, phần mềm sẽ tự động kết chuyển số liệu sang bảng cân đối vật tư (biểu số 2.17) và bảng cân đối vật tư theo mã (biểu số 2.19)

Ví dụ2.4: Ngày 01 tháng 12 năm 2009, xuất kho nguyên vật liệu ngô hạt đưa vào sản xuất theo phiếu xuất vật tư số 06213 (biểu số 2.12)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009, căn cứ vào hoá đơn GTGT số 02486 (biểu số 2.13), kế toán nguyên vật liệu sẽ lập phiếu nhập kho (biểu số 2.14).

Từ các phiếu nhập, phiếu xuất, thủ kho ghi vào thẻ kho của Ngô hạt (biểu số 2.15)

Đồng thời, kế toán cũng tiến hành nhập dữ liệu vào máy vi tính (biểu số 2.10), phần mềm kế toán sẽ tự động cập nhật số liệu vào Sổ chi tiết nguyên vật liệu ngô hạt (biểu số 2.16).

Cuối tháng, phần mềm sẽ tự động kết chuyển số liệu sang bảng cân đối vật tư (biểu số 2.17) và bảng cân đối vật tư theo mã (biểu số 2.18)

Biểu số 2.3

**TỜ KHAI HẢI QUAN ĐIỆN TỬ
Nhập khẩu**

HQ/2009- TKĐTNC

1. Chi cục Hải quan: Chi cục HQ điện tử Hải Phòng		Số tham chiếu		Số tờ khai: 25684	
2. Chi cục Hải quan cửa khẩu: Chi cục HQ CK cảng HP KV III		AAEF9E98EF4A27900A43BDE203689E			
		Ngày, giờ gửi:		Ngày, giờ đăng ký: 08/12/2009 14:28:44	
3. Người xuất khẩu:		5. Loại hình: NKD01		Nhập kinh doanh	
GURAJAT AMBUJA EXPORTS LTD. (INDIA)		6. Hoá đơn thương mại:		7. Giấy phép	
		2933-3		Ngày	
		8. Hợp đồng:		MBD 911240/TCS	
4. Người nhập khẩu:		Ngày: 04/11/2009		Ngày hết hạn	
Công ty TNHH Thương mại VIC		Ngày hết hạn		Ngày hết hạn	
KCN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng		9. Vận tải đơn:		10. Cảng xếp hàng	
		GLR135970-01		NHAVA SHEVA	
Người uỷ thác:		Ngày: 04/11/2009		11. Cảng dỡ hàng: C007	
				Cảng Hải Phòng	
Đại lý làm thủ tục Hải quan:		12. Phương tiện vận tải:		Đường biển	
		INS RANJIT		13. Nước xuất khẩu: INDIA	
Nội dung uỷ quyền:		14. Điều kiện giao hàng:		CFR	
Nộp thuế :		16. Đồng tiền thanh toán:		USD	
		17. Tỷ giá tính thuế		18,416	
18. Kết quả phân luồng và hướng dẫn làm thủ tục Hải quan:		Tờ khai phải xuất trình chứng từ, hàng hoá		19. Chứng từ Hải quan trước đó.	
Đề nghị doanh nghiệp nộp/ xuất trình bộ hồ sơ theo quy định (bao gồm cả đăng ký kiểm dịch) và hàng hoá để kiểm tra.					
20. Tên hàng, quy cách phẩm chất.		21. Mã số hàng hoá		22. Xuất xứ	
Khô đậu Ấn Độ- Nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi. (Hàng phù hợp với QĐ 90/2006/QĐ-BNN ngày 02/10/06 của Bộ NNPTNT). Độ ẩm:11.50%; Urease Activity: 0.06 Mgn/Minute at 30 Degrees C; Aflatoxin: thấp hơn 20ppb. Hàng để rời trong containers.		2304000000		Republic of India	
		23. Số lượng		24. Đơn vị tính	
		216.707		TAN	
		25. Đơn giá nguyên tệ		26. Trị giá nguyên tệ	
		443,635969		96.139,01987	
Cộng					96.139,01987
27. Thuế nhập khẩu:		28. Thuế GTGT (hoặc TTĐB)			29. Thuế khác
Trị giá tính thuế	Thuế suất (%)	Tiền thuế	Trị giá tính thuế	Thuế suất (%)	Tiền thuế
1.770.496.190			1.770.496.190	5	88.524.810
				88.524.810	
Cộng					
30. Tổng số tiền thuế và thu khác (ô 27+ 28+ 29):		Bảng số:		88.524.810	
Bảng chữ: Tám mươi tám triệu năm trăm hai mươi tư nghìn tám trăm mười đồng.					
31. Tổng trọng lượng:		216.707 Kg		Tổng số container: Cont40: 10	
Số hiệu kiện, cont :		Container: chi tiết phụ lục đính kèm			
32. Ghi chép khác:					
33. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước Pháp luật về những nội dung khai báo trên tờ khai này		34. Xác nhận hàng đã qua khu vực giám sát		35. Xác nhận giải phóng hàng/đưa hàng về bảo quản/ chuyển cửa khẩu	
Ngày 08 tháng 12 năm 2009				36. Xác nhận thông quan	
Giám đốc tài chính		Nguyễn Huy Toàn		Phạm Quốc Cường	
Đỗ Tất Trung				Phạm Quốc Cường	

Biểu số: 2.4



Công ty TNHH Thương Mại VIC
Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

PHIẾU NHẬP KHO
Ngày 08 tháng 12 năm 2009

Số: KLA0012
Nợ: 152
Có: 331

Họ tên người giao hàng: Gurajat
Nhập tại kho: Nguyên liệu số 2 (Nhàn).

Stt	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	1	2	3	4
1	Khô đậu Ấn Độ	Kg	216,707	216,707	8,170	1.770.496.190
	Tổng cộng					1.770.496.190

Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ bảy trăm bảy mươi triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn một trăm chín mươi đồng.

Ngày 08 tháng 12 năm 2009

Phụ trách cung tiêu

Kế toán trưởng

Người nhận

Thủ kho

Biểu số: 2.5



Công ty TNHH Thương Mại VIC
Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

PHIẾU XUẤT VẬT TƯ

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 6816

Nợ: 621

Có: 1521

Họ tên người nhận hàng: tổ Hiệu

Lý do xuất: sản xuất bán thành phẩm TP99X

Xuất tại kho: Nguyên liệu số 2 (Nhàn).

Nhập tại kho TP: BTP - TP99X

Stt	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	1	2	3	4
1	Khô đậu Ấn Độ	Kg	2.700	2.700		
	Tổng cộng					

Số tiền viết bằng chữ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ trách cung tiêu

Kế toán trưởng

Người giao

Thủ kho

Biểu số: 2.6



Công ty TNHH Thương Mại VIC
Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 31/12/2009

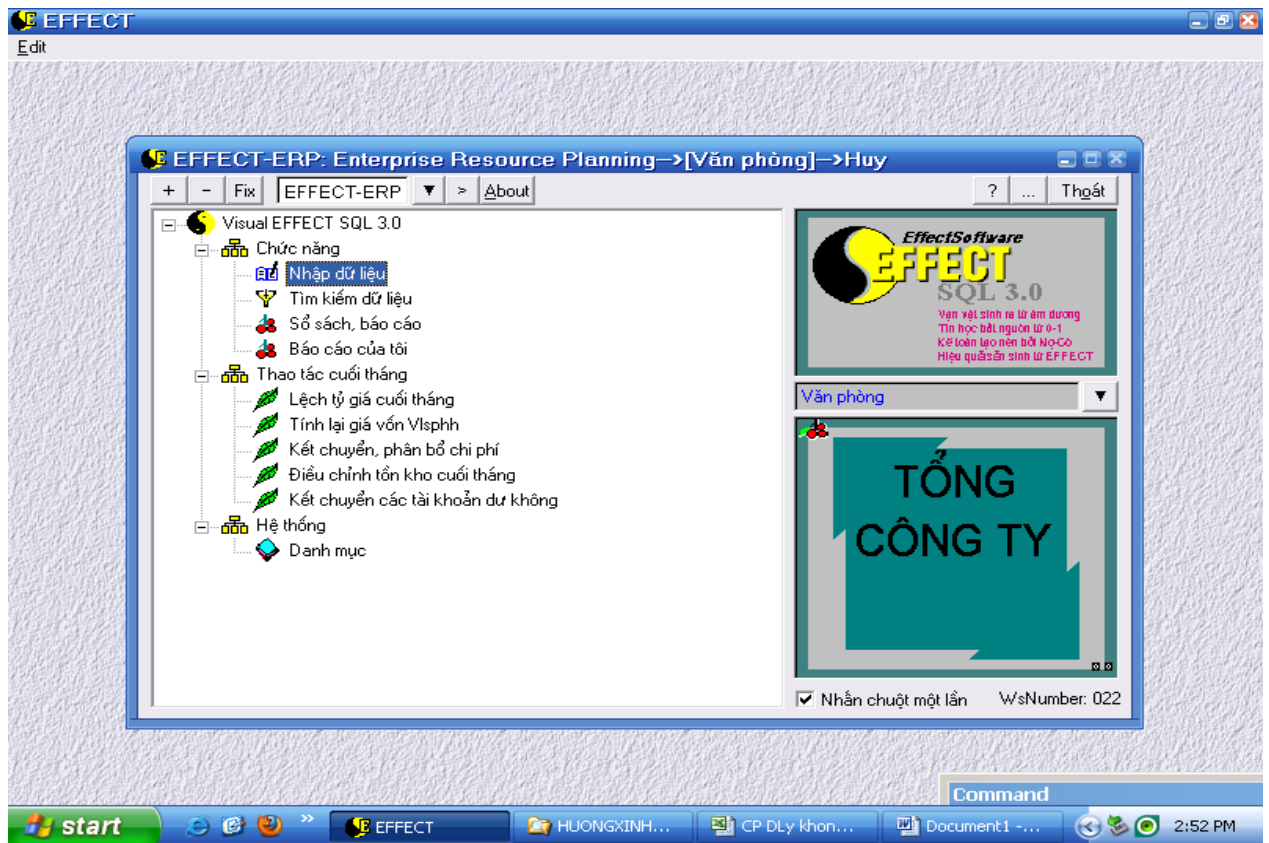
Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, sản phẩm hàng hoá: Khô đậu Ấn Độ.

Đơn vị tính: Kg

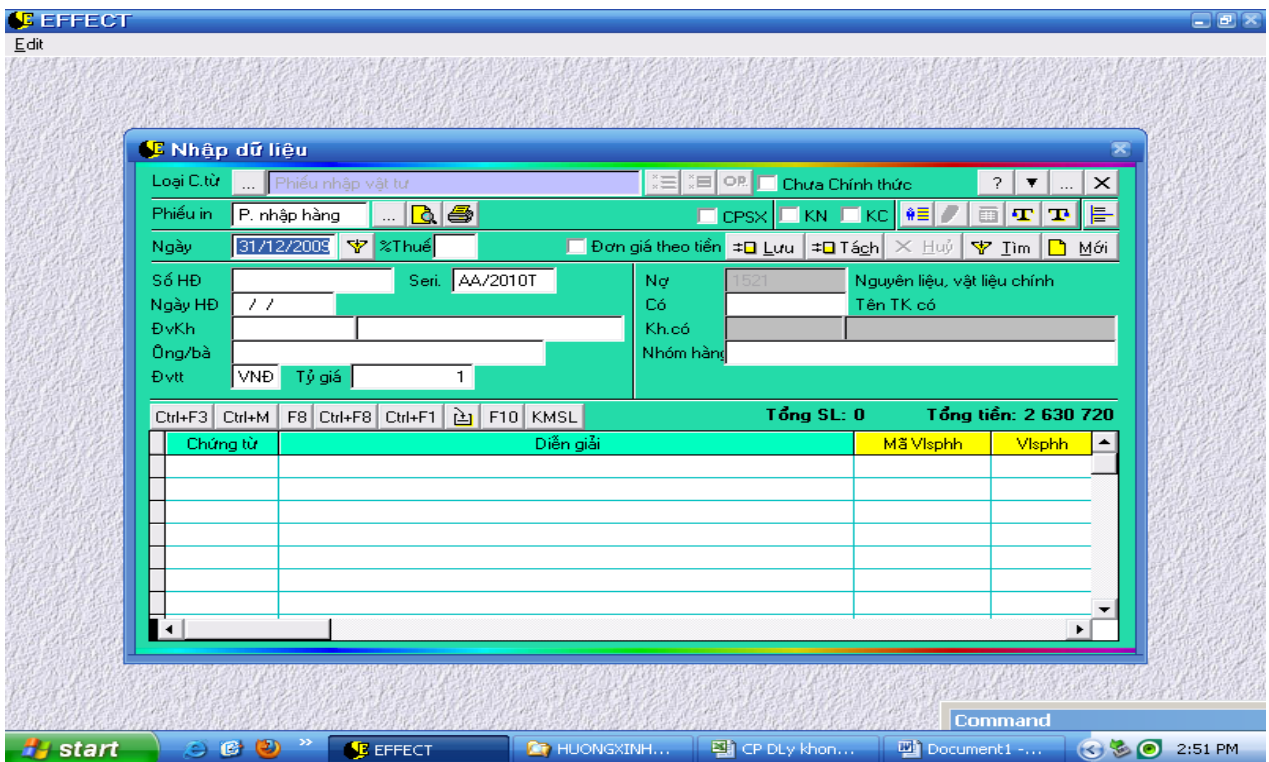
Mã số: NLNNTHO0006

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Ký xác nhận kế toán
	Nhập	Xuất		Nhập	Xuất	Tồn	
			<u>Tồn đầu tháng 12</u>			<u>1.441</u>	
1/12/09	KLA0009		Nhập 4 cont = 87.814 kg khô đậu - Gujarat	87.814	-	89.255	
1/12/09	KLA0010		Nhập 3 cont = 55.566 kg khô đậu - Ruchi	55.566	-	144.821	
						
8/12/09	KLA0012		Nhập 10 cont = 216.707 kg khô đậu - Gujarat	216.707	-	223.423	
8/12/09	KLA0013		Nhập 8 cont = 149.182 kg khô đậu - Ruchi	149.182	-	372.605	
9/12/09		PXVT6364	Phiếu xkho 2.248 kg, bán TP S3 Tổ Hùng	-	2.248	370.357	
9/12/09		PXVT6365	Phiếu xkho 25.460 kg, bán TP 99H Tổ Hùng	-	25.460	344.897	
						
31/12/09		PXVT6815	Phiếu xkho 2037 kg, bán TP 99Tr Tổ Hiếu	-	1.048	125.581	
31/12/09		PXVT6816	Phiếu xkho 5200 kg, bán TP 99 X Tổ Hiếu	-	2.700	122.881	
31/12/09		PXVT6817	Phiếu xkho 37192 kg, bán TP X2000R Tổ Quyết	-	8.100	114.781	
31/12/09		PXVT6819	Phiếu xkho 3976 kg, bán TP Sv7A Tổ Quyết	-	160	114.621	
			<u>Công tháng 12</u>	<u>1.811.942</u>	<u>1.698.762</u>	<u>114.621</u>	

Biểu số: 2.7



Biểu số: 2.8



Biểu số: 2.9

Nhập dữ liệu

Loại C.từ: ... Phiếu nhập vật tư

Phiếu in: P. nhập hàng

Ngày: 08/12/2009 %Thuế

Số HĐ: Seri.

Ngày HĐ: / /

ĐvKh: CCNNVT0020 GUJARAT

Đvtt: USD Tỷ giá 18 416

Nợ: 1521 Nguyên liệu, vật liệu chính

Có: 331 Phải trả cho người bán

Kh.có

Nhóm hàng: Khô đậu

Tổng SL: 216 707 Tổng tiền: 1 770 496 190

Chứng từ	Diễn giải	Mã Vlsphh	Vlsphh
KLA0012	Nhập 10 cont = 216.707 kg khô đậu - Gujarat	NLNNTH00006	Khô đậu ăn Độ

Biểu số: 2.10

Nhập dữ liệu

Loại C.từ: ... Phiếu Nhập kho TP bán TP

Phiếu in: P. nhập kho SX

Ngày: 01/12/2008 %Thuế

Chứng từ: PXVT6213

Diễn giải: Phiếu Nhập kho 2280 kg bán TP Stra01 Tổ Quyết

ĐvKh

Máy SX: Máy số 7 - Tổ 2(Quyết) - Nghiền (Máy số 5 mới)

ĐTCP/TP: BTPHH015 BTP-HH Star 01 (18%N) heo 15-45

Kho: Kho nguyên liệu số 2 (Nhân)

Ca LV: Hành chính

Nợ: 621 Chi phí NVL trực tiếp

Có: 1521 Nguyên liệu, vật liệu chính

Kh.có

SLTP: Số mẻ

Tổng SL: Tổng tiền:

Mã Vlsphh	Vlsphh	SL	Tên Kho	VND	Seri
NLTNTH00012	Ngô hạt	2 280.000	Kho NL số 4 (Là)		

Biểu số: 2.11



SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ (1521)

(Từ ngày 01/12/2009 đến 31/12/2009)

Vlspmh : Khô đậu ấn Độ

Tài khoản : 1521 - Nguyên liệu, vật liệu chính

Đv Vlspmh : Kg
 SL tồn đầu : 1 441
 Tiền tồn đầu : 10 579 162

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	SL nhập	T.Tiền nhập	SL xuất	ĐG xuất	G.vốn H.xuất	SL tồn	Tiền tồn
1/12/09	KLA0009	Nhập 4 cont = 87.814 kg khô đậu - Gujarat	87.814	717.440.380	-			89.255	728.019.542
1/12/09	KLA0010	Nhập 3 cont = 55.566 kg khô đậu - Ruchi	55.566	436.026.402	-			144.821	1.164.045.944
								
8/12/09	KLA0012	Nhập 10 cont = 216.707 kg khô đậu - Gujarat	216.707	1.770.496.190	-			223.423	1.764.508.128
8/12/09	KLA0013	Nhập 8 cont = 149.182 kg khô đậu - Ruchi	149.182	1.170.631.154	-			372.605	2.935.139.282
9/12/09	PXVT6364	Phiếu xk 2.248 kg, bán TP S3 Tổ Hùng	-		2.248	8.112,83	18.237.642	370.357	2.916.901.640
9/12/09	PXVT6365	Phiếu xkho 25.460 kg, bán TP 99H Tổ Hùng	-		25.460	8.112,83	206.552.652	344.897	2.710.348.903
								
31/12/09	PXVT6815	Phiếu xkho 1.048 kg, bán TP 99Tr Tổ Hiếu	-		1.048	8.112,83	8.502.246	125.581	1.018.817.304
31/12/09	PXVT6816	Phiếu xkho 2.700 kg, bán TP 99 X Tổ Hiếu	-		2.700	8.112,83	21.904.641	122.881	996.912.663
31/12/09	PXVT6817	Phiếu xkho 8.100 kg, bán TP X2000R Tổ Quyết	-		8.100	8.112,83	65.713.923	114.781	931.198.740
31/12/09	PXVT6818	Phiếu xkho 160 kg, bán TP Sv7A Tổ Quyết	-		160	8.112,83	1.298.053	114.621	929.900.687
		Cộng	1.811.942	14.701.094.436	1.698.762		13.929.677.137	114.621	929.900.687

(Tính giá xuất NVL theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ)

Biểu số: 2.12

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao khách hàng
Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: 01GTKT-3LL
AA/09T
002486

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH SX và TM Sao Mai
Địa chỉ: 149 Giảng Võ- Ba Đình- Hà Nội.
MST: 0101438047

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại VIC.
Địa chỉ: Khu Công nghiệp Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng.
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản. MST: 0200358184

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Ngô hạt	Kg	44.900	4.850	217.765.000
		Cộng tiền hàng:			217.765.000
		Thuế suất GTGT : 5%			Tiền thuế GTGT: 10.888.250
		Tổng cộng tiền thanh toán:			228.653.250
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm hai mươi tám triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn hai trăm năm mươi đồng.					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu số: 2.13



Công ty TNHH Thương Mại VIC
Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: KCANGU

Nợ: 152

Có: 331

Họ tên người giao hàng: Công ty TNHH Sx và TM Sao Mai
Nhập tại kho: Nguyên liệu số 4 (Là).

Stt	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	1	2	3	4
1	Ngô hạt	Kg	44.900	44.900	4.850	217.765.000
	Tổng cộng					217.765.000

Số tiền viết bằng chữ: *Hai trăm mười bảy triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn.*

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ trách cung tiêu

Kế toán trưởng

Người nhận

Thủ kho

Biểu số: 2.14



Công ty TNHH Thương Mại VIC
Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

PHIẾU XUẤT VẬT TƯ

Ngày 01 tháng 12 năm 2009

Số: 6213

Nợ: 621

Có: 1521

Họ tên người nhận hàng: tổ Quyết

Lý do xuất: sản xuất bán thành phẩm Stra01

Xuất tại kho: Nguyên liệu số 4 (Là).

Nhập tại kho TP: BTP - Stra01

Stt	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	1	2	3	4
1	Ngô hạt	Kg	2.280	2.280		
	Tổng cộng					

Số tiền viết bằng chữ:

Ngày 01 tháng 12 năm 2009

Phụ trách cung tiêu

Kế toán trưởng

Người giao

Thủ kho

Biểu số: 2.15



Công ty TNHH Thương Mại VIC
Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 31/12/2009

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, sản phẩm hàng hoá: Ngô hạt.

Đơn vị tính: Kg

Mã số: NLTNTHO 0012

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Ký xác nhận kế toán
	Nhập	Xuất		Nhập	Xuất	Tồn	
			<u>Tồn đầu tháng 12</u>			<u>447.271</u>	
1/12/09		PXVT6213	Phiếu xkho 2280 kg, bán TP Stra01 Tổ Quyết	-	2.280	444.991	
1/12/09		PXVT6214	Phiếu xkho 14068 kg, bán TP NCốc Tổ Quyết	-	14.068	430.923	
1/12/09		PXVT6215	Phiếu xkho 2572 kg, Ngô nổ Tổ Rang Ngô	-	2.572	428.351	
						
3/12/09		PXVT6262	Phiếu xkho 7000 kg, bán TP NCốc Tổ Hiếu	-	7.000	349.225	
3/12/09		PXVT6264	Phiếu Xkho 21000 kg, bán TP NCốc Tổ Quyết	-	21.000	328.225	
						
29/12/09		PXVT6777	Phiếu xk 25200kg, bán TP NCốc Tổ Quyết	-	25.200	393.537	
30/12/09		PXVT6797	Phiếu xkho 4640 kg, bán TP SV7A Tổ Quyết	-	4.640	388.897	
						
31/12/09	KCANGU		Nhập 44.900 kg ngô hạt - Sao Mai (hàng đi N.An)	44.900	-	372.457	
31/12/09	KPL		Nhập d- 300 kg ngô hạt	300	-	372.757	
			<u>Công tháng 12</u>	<u>745.465</u>	<u>819.979</u>	<u>372.757</u>	

Biểu số: 2.16



SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ (1521)
 (Từ ngày 01/12/2009 đến 31/12/2009)
 Vlsphh : Ngô hạt
 Tài khoản : 152 - Nguyên liệu, vật liệu chính

Đv Vlsphh : Kg
 SL tồn đầu : 447 271
 Tiền tồn đầu : 1 775 724 775

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	SL nhập	T.Tiền nhập	SL xuất	ĐG xuất	G.vốn H.xuất	SL tồn	Tiền tồn
1/12/09	PXVT6213	Phiếu xkho 2280 kg,BTP Stra01 Tổ Quyết	-		2.280	4225,5	9.634.077	444.991	1.766.090.698
1/12/09	PXVT6214	Phiếu xkho 14068 kg,BTP NCốc Tổ Quyết	-		14.068	4225,5	59.443.944	430.923	1.706.646.754
1/12/09	PXVT6215	Phiếu xkho 2572 kg, Ngô nổ Tổ Rang Ngô	-		2.572	4225,5	10.867.915	428.351	1.695.778.839
								
3/12/09	PXVT6262	Phiếu xkho 7000 kg,BTP NCốc Tổ Hiếu	-		7.000	4225,5	29.578.306	349.225	1.361.434.118
3/12/09	PXVT6264	Phiếu xkho 21000 kg,BTP NCốc Tổ Quyết	-		21.000	4225,5	88.734.918	328.225	1.272.699.200
3/12/09	PXVT6265	Phiếu xkho 5600 kg,BTP SV7B Tổ Quyết	-		5.600	4225,5	23.662.645	322.625	1.249.036.555
3/12/09	PXVT6266	Phiếu xkho 1340 kg,BTP 117A Tổ Quyết	-		1.340	4225,5	5.662.133	321.285	1.243.374.422
3/12/09	PXVT6263	Phiếu xkho 10500 kg,BTP NCốc Tổ Quyết	-		10.500	4225,5	44.367.459	310.785	1.199.006.963
								
29/12/09	PXVT6777	Phiếu xkho 25200kg,BTP NCốc Tổ Quyết	-		25.200	4225,5	106.481.902	393.537	1.600.606.036
								
31/12/09	KCANGU	Nhập 44.900 kg ngô hạt - Sao Mai (đi NA)	44.900	217.765.000	-			372.457	1.573.574.374
31/12/09	KPL	Nhập d- 300 kg ngô hạt	300	1.500.000	-	4225,5		372.757	1.575.074.374
		Cộng	745.465	3.264.148.149	819.979		3.464.798.550	372.757	1.575.074.374

(Tính giá xuất NVL theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ)

Biểu số: 2.17



BẢNG CÂN ĐỐI VẬT TƯ (XNT CÓ XUẤT KHÁC 152)

(Từ ngày 01/12/2009 đến 31/12/2009)

Tài khoản : 152 - Nguyên liệu, vật liệu

STT	Mã	Tên	Đv Vlsp	SL tồn đầu	SL nhập	SL xuất SX	SL xuất \bán	SL xuất\ khác	SL tồn cuối kỳ
	NL	Nhóm nguyên liệu		6.739.823	6.268.502	5.159.221	2.022.914	82.465	5.743.724
	NLNNTHO	Ng.liệu thô nhập ngoại		3.035.482	3.689.118	2.976.407	1.385.734	60.294	2.302.165
1	NLNNTHO0003	Bột cá PeRu	Kg	517.324	-	12.980	271.243	-	233.101
2	NLNNTHO0004	Khô đậu Achentina	Kg	58.449	101.045	100.550	-	58.944	-
3	NLNNTHO0005	Khô đậu Trung Quốc	Kg	-	455.631	101.855	42.425	-	311.351
4	NLNNTHO0006	Khô đậu ấn Độ	Kg	1.441	1.811.942	1.401.619	295.793	1.350	114.621
								
	NLTNTHO	Ng. liệu trong n- ốc thô		1.308.748	1.593.408	1.400.157	421.133	13.316	1.067.550
115	NLTNTHO0006	Bột đá	Kg	62.237	164.529	105.722	11.455	-	109.589
116	NLTNTHO0007	Dầu cá	Kg	0	76.586	33.133	6.994	-	36.460
117	NLTNTHO0008	Phốt phát can xi (DCP)	Kg	118.834	28.677	63.204	23.027	-	61.280
118	NLTNTHO0009	Muối sấy	Kg	48.788	42.000	36.130	-	50	54.608
119	NLTNTHO0012	Ngô hạt	Kg	447.271	745.465	650.275	169.704	-	372.757
								
	NLTNTHU	Nguyên liệu thuốc TN		270.494	159.808	156.928	25.656	-	247.718
136	NLTNTHU0001	MIX 4505	Kg	-	5	-	5	-	-
273	NLTNTMĐĐ0061	Mác SV500	Cái	10	-	-	-	-	10
274	NLTNTMĐĐ0062	Mác SV1000	Cái	10	-	-	-	-	10
275	NLTNTMĐĐ0063	Mác SH9(46.5%)	Cái	4.219	-	1.885	-	32	2.302
		Cộng		6.739.823	6.268.502	5.159.221	2.022.914	82.465	5.743.724

Biểu số: 2.18



Công ty TNHH Thương Mại VIC

Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI VẬT TỶ (152)

(Từ ngày 01/12/2009 đến 31/12/2009)

Vlspbh : Ngô hạt

Tài khoản : 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Mã	Tên vật tỶ	Đv Vlspbh	SL tồn đầu	Tiền tồn đầu	SL nhập	T.Tiền nhập	SL xuất	G.vốn H.xuất	SL tồn	Tiền tồn	Đơn giá
NL	Nhóm nguyên liệu		447.271	1.775.724.775	745.465	3.264.148.149	819.979	3.464.798.550	372.757	1.575.074.374	4225,5
NLTN	Nguyên liệu trong n-óc		447.271	1.775.724.775	745.465	3.264.148.149	819.979	3.464.798.550	372.757	1.575.074.374	4225,5
NLTNTHO	Ng. liệu trong n-óc thô		447.271	1.775.724.775	745.465	3.264.148.149	819.979	3.464.798.550	372.757	1.575.074.374	4225,5
NLTNTHO0012	Ngô hạt	Kg	447.271	1.775.724.775	745.465	3.264.148.149	819.979	3.464.798.550	372.757	1.575.074.374	4225,5
	Cộng		447.271	1.775.724.775	745.465	3.264.148.149	819.979	3.464.798.550	372.757	1.575.074.374	

Biểu số: 2.19

BẢNG CÂN ĐỐI VẬT TỶ (152)

(Từ ngày 01/12/2009 đến 31/12/2009)

Vlspbh : Khô đậu ấĐộ

Tài khoản : 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Mã	Tên vật tỶ	Đv Vlspbh	SL tồn đầu	Tiền tồn đầu	SL nhập	T.Tiền nhập	SL xuất	G.vốn H.xuất	SL tồn	Tiền tồn	Đơn giá
NL	Nhóm nguyên liệu		1.441	10.579.162	1.811.942	14.701.094.436	1.698.762	13.929.677.137	114.621	929.900.687	8112,8
NLNN	Nguyên liệu nhập ngoại		1.441	10.579.162	1.811.942	14.701.094.436	1.698.762	13.929.677.137	114.621	929.900.687	8112,8
NLNNTHO	Ng.liệu thô nhập ngoại		1.441	10.579.162	1.811.942	14.701.094.436	1.698.762	13.929.677.137	114.621	929.900.687	8112,8
NLNNTHO0006	Khô đậu ấĐộ	Kg	1.441	10.579.162	1.811.942	14.701.094.436	1.698.762	13.929.677.137	114.621	929.900.687	8112,8
	Cộng		1.441	10.579.162	1.811.942	14.701.094.436	1.698.762	13.929.677.137	114.621	929.900.687	

2.2.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc phản ánh một cách tổng quát tình hình nhập xuất nguyên vật liệu thông qua các tài khoản kế toán.

Để phục vụ cho công tác kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, hiện nay Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để ghi chép các nghiệp vụ nhập xuất tồn trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho.

2.2.3.1. Chứng từ sử dụng:

Công ty áp dụng hệ thống chứng từ do Bộ tài chính ban hành sử dụng trong hạch toán nguyên vật liệu bao gồm các loại: Hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, và các chứng từ khác có liên quan.

2.2.3.2. Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, Công ty TNHH Thương mại VIC, sử dụng tài khoản 152- “Nguyên liệu, vật liệu”.

Và các tài khoản liên quan: TK 111, TK 112, TK 133, TK 331, TK 621, TK 627, TK 632, TK 641, ...

Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế nguyên liệu, vật liệu nhập- xuất- tồn.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK152.

Bên Nợ: - Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mục ngoài, tự chế, thuê gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác.

- Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

Bên Có: - Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc đưa đi góp vốn.

- Trị giá nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá người mua.

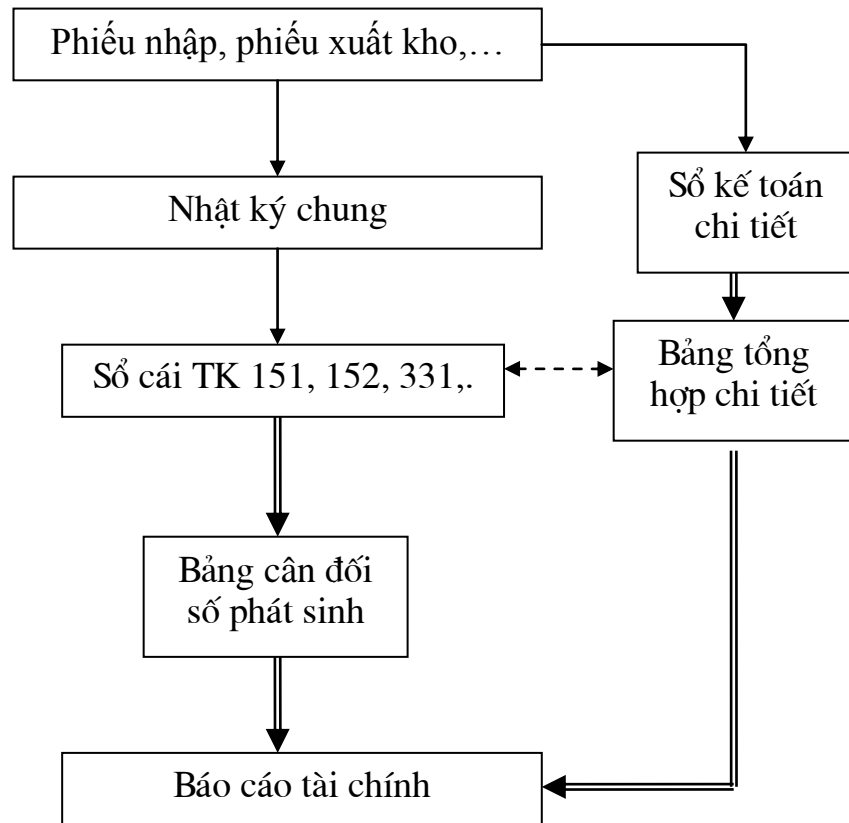
- Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng.

- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm tra.

Số dư bên Nợ: Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

2.2.3.3. Quy trình hạch toán:

Công ty đang sử dụng hệ thống phần mềm kế toán máy EFFECT theo sổ Nhật ký chung.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: \longrightarrow
- Ghi cuối quý: \Longrightarrow
- Đối chiếu : \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

Từ các hoá đơn, chứng từ kế toán, kế toán nhập dữ liệu vào máy tính qua cửa sổ nhập dữ liệu của phần mềm kế toán.

Sau đó, phần mềm kế toán sẽ tự động cập nhật dữ liệu tới sổ nhật ký chung và các sổ cái có liên quan. Khi cần theo dõi theo các loại tài khoản, chứng từ, ... kế toán sẽ sử dụng chức năng tìm kiếm dữ liệu trên phần mềm đã cài đặt sẵn (biểu số 2.20, 2.21)

Ví dụ 2.3: Ngày 08 tháng 12 năm 2009, căn cứ vào tờ khai hải quan điện tử (biểu số 2.3), đưa nguyên vật liệu Khô đậu Ấn Độ từ cảng Hải Phòng về nhập kho. Khi hàng chuyên giao về Công ty, phòng Kế hoạch vật tư sẽ tiến hành kiểm tra, nếu không có gì sai phạm, nhân viên kế toán nguyên vật liệu sẽ viết phiếu nhập kho (biểu số 2.4)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009, xuất kho nguyên vật liệu Khô đậu Ấn Độ theo phiếu xuất vật tư số 6816 (biểu số 2.5)

Sau khi kế toán nhập đủ dữ liệu từ các chứng từ trên vào máy tính, với phần kế toán tổng hợp dữ liệu sẽ tự động cập nhật vào các sổ liên quan như:

- Nhật ký chung (biểu số 2.22)
- Sổ cái TK 152 (biểu số 2.23)
- Sổ cái TK 331 (biểu số 2.24)
- Sổ chi tiết TK 331- Gurajat Ambuja export Ltd (biểu số 2.25)
- Bảng tổng hợp phải trả người bán (biểu số 2.27)
- Sổ cái TK 621 (biểu số 2.28)

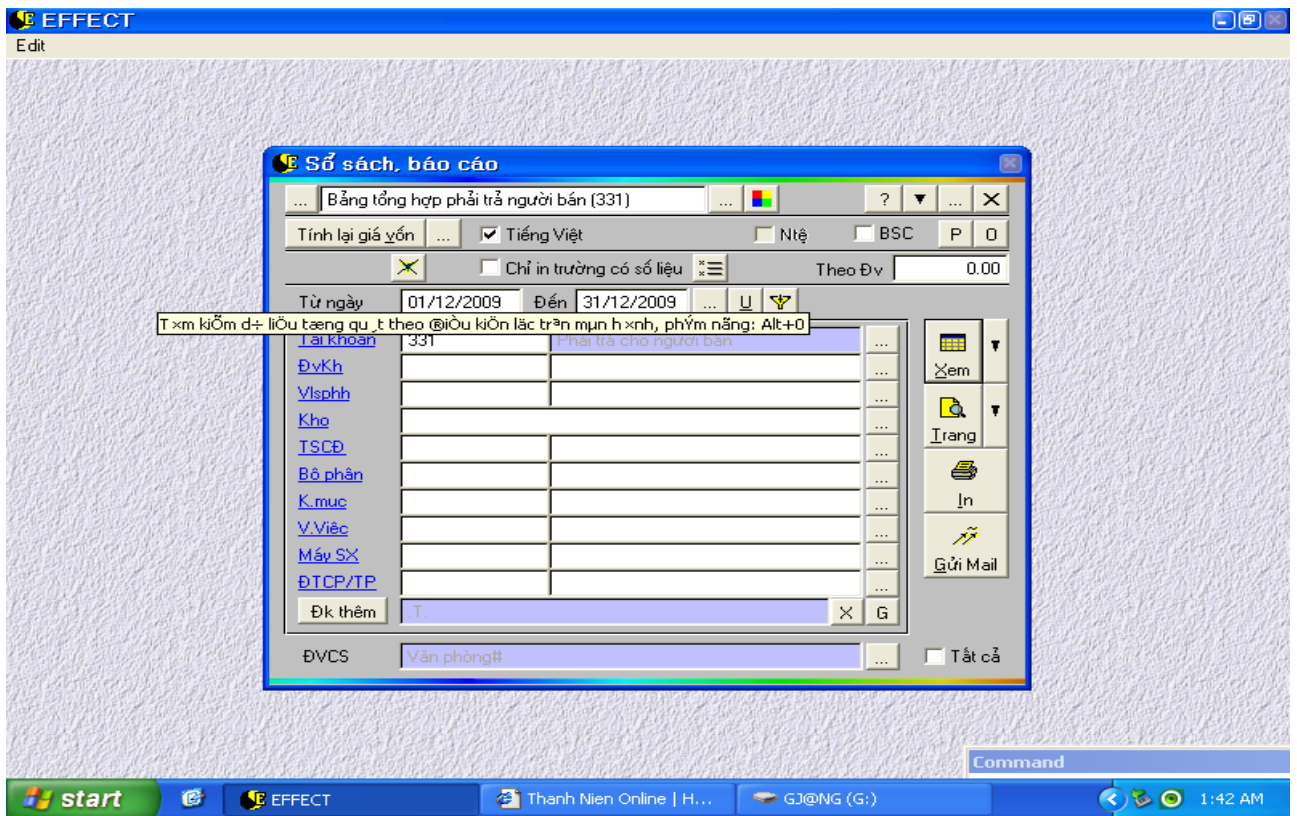
Ví dụ 2.4: Ngày 01 tháng 12 năm 2009, xuất kho nguyên vật liệu ngô hạt đưa vào sản xuất theo phiếu xuất vật tư số 06213 (biểu số 2.12)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009, căn cứ vào hoá đơn GTGT số 02486 (biểu số 2.13), thủ kho sẽ lập phiếu nhập kho (biểu số 2.14).

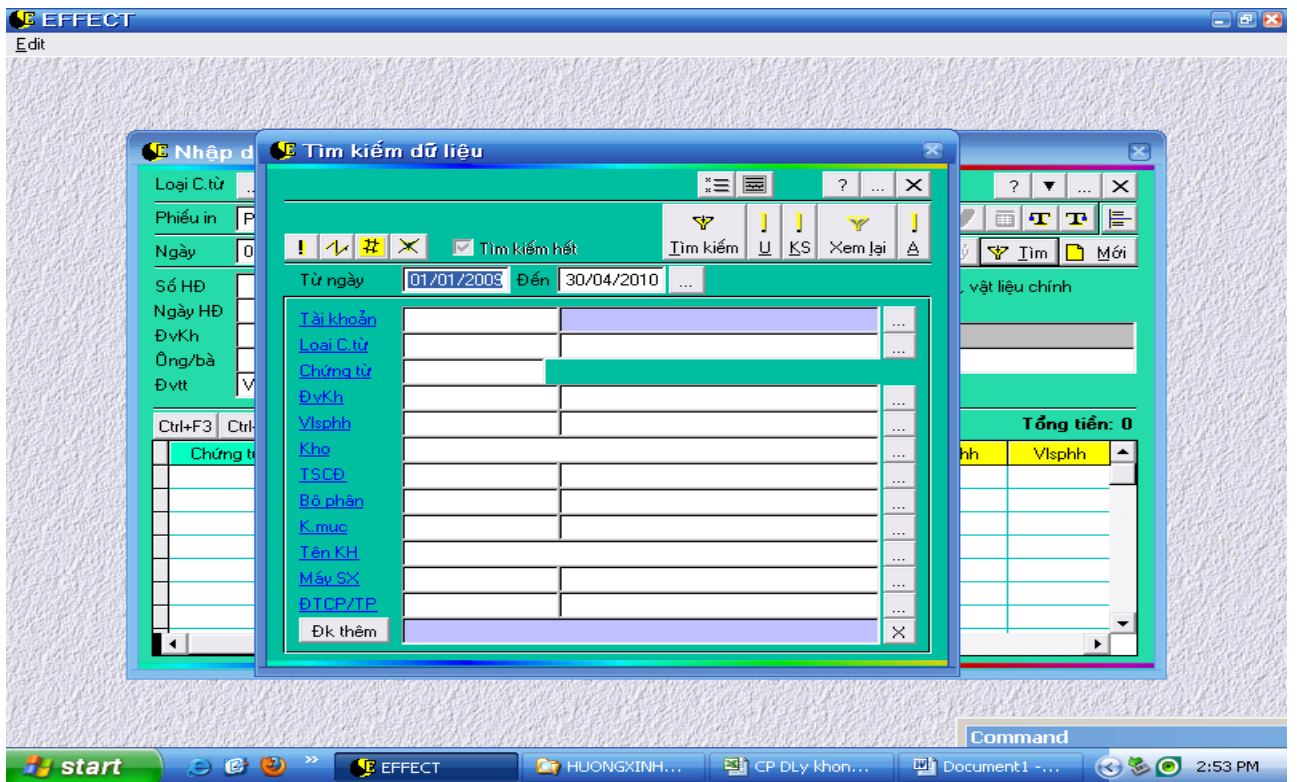
Sau khi kế toán nhập đủ dữ liệu từ các chứng từ trên vào máy tính, với phần kế toán tổng hợp dữ liệu sẽ tự động cập nhật vào các sổ liên quan như:

- Nhật ký chung (biểu số 2.22)
- Sổ cái TK 152 (biểu số 2.23)
- Sổ cái TK 331 (biểu số 2.24)
- Sổ chi tiết TK 331- Sao Mai (biểu số 2.26)
- Bảng tổng hợp phải trả người bán (biểu số 2.27)
- Sổ cái TK 621 (biểu số 2.28)

Biểu số 2.20



Biểu số 2.21:



Biểu số 2.22:



Công ty TNHH Thương Mại VIC
Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK	Ps Nợ	Ps Có
				
1/12/09	PXVT6213	Phiếu xkho 2280 kg NH,bán TP Stra01 Tổ Quyết	621	9.634.077	
			152		9.634.077
				
8/12/09	KLA0012	Nhập 10 cont = 216.707 kg khô đậu - Gujarat	152	1.770.496.190	
			331		1.770.496.190
			133	88.524.810	
			3331		88.524.810
				
31/12/09	KCANGU	Nhập 44.900 kg ngô hạt - Sao Mai (hàng đi N.AN)	152	217.765.000	
			133	10.888.250	
			331		228.653.250
31/12/09	KPL	Nhập d- 300 kg ngô hạt	152	1.500.000	
			331		1.500.000
31/12/09	PXVT6815	Phiếu xkho 2037 kg khô đậu ấn,bán TP 99Tr Tổ Hiếu	621		8.502.246
			152	8.502.246	
31/12/09	PXVT6816	Phiếu xkho 2,700 kg KD,bán TP 99 X Tổ Hiếu	621	21.904.649	
			152		21.904.649
31/12/09	PXVT6817	Phiếu xkho 8.100 kg khô đậu,bán TP X2000R Tổ Quyết	621		65.713.923
			152	65.713.923	
31/12/09	PXVT6818	Phiếu xkho 160 kg khô đậu ấn,bán TP Sv7A Tổ Quyết	621		1.298.053
			152	1.298.053	
		Cộng phát sinh		7.323.364.688.589	7.323.364.688.589

Biểu số 2.23



Công ty TNHH Thương Mại VIC
Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

SỔ CÁI

Tài khoản : 152- Nguyên liệu, vật liệu
Tháng 12 năm 2009

D- đầu kỳ: **56.324.844.606**

D- cuối kỳ: **56.918.904.583**

Đơn vị tính: VND

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	Tk đư	Ps Nợ	Ps Có
1/12/09	PXVT6213	Phiếu xkho 2.280kg ngô hạt- bán TP stra01 tổ Quyết	621		9.634.077
1/12/09	PXVT6214	Phiếu xkho 14068 kg ngô hạt,bán TP NCốc Tổ Quyết	621		59.443.944
1/12/09	PXVT6215	Phiếu xkho 2572 kg ngô hạt, Ngô nổ Tổ Rang Ngô	621		10.867.915
				
8/12/09	KLA0012	Nhập 10 cont= 216.707kg khô đậu Ấn Độ- Gurajat	331	1.770.496.190	
8/12/09	KLA0013	Nhập 8 cont = 149.182 kg khô đậu - Ruchi	331	1.170.631.154	
9/12/09	PXVT6364	Phiếu xk 2.248 kg khô đậu ấn,bán TP S3 Tổ Hùng	621		18.237.642
9/12/09	PXVT6365	Phiếu xkho 25.460 kg khô đậu ấn,bán TP 99H Tổ Hùng	621		206.552.652
				
31/12/09	KCANGU	Nhập 44.900kg ngô hạt - Sao mai	331	217.765.000	
31/12/09	KPL	Nhập d- 300 kg ngô hạt	331	1.500.000	
31/12/09	PXVT6815	Phiếu xkho 2037 kg khô đậu ấn,bán TP 99Tr Tổ Hiếu	621		8.502.246
31/12/09	PXVT6816	Phiếu xkho 2.700kg khô đậu AD- bán TP99X tổ Hiếu	621		21.904.649
31/12/09	PXVT6817	Phiếu xkho 8.100 kg khô đậu,bán TP X2000R Tổ Quyết	621		65.713.923
31/12/09	PXVT6818	Phiếu xkho 160 kg khô đậu ấn,bán TP Sv7A Tổ Quyết	621		1.298.053
		Cộng phát sinh		56.586.217.328	55.992.157.351

Biểu số 2.24



Công ty TNHH Thương Mại VIC
Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

SỔ CÁI

Tài khoản : 331- Phải trả ng- ời bán
Tháng 12 năm 2009

D- có đầu kỳ: (6,489,059,459)

D- có cuối kỳ: (4,538,974,929)

DVT: VND

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK	Ps Nợ	Ps Có
1/12/09	KLA0009	Nhập 4 cont = 87.814 kg khô đậu - Gujarat	152		717.440.380
1/12/09	KLA0010	Nhập 3 cont = 55,566 kg khô đậu - ruchi	152		436.026.402
2/12/09	UNC0005	Trả tiền mua hàng KLA0001	112	856.192.000	
				
8/12/09	KLA0012	Nhập 10 cont = 216.707 kg khô đậu - Gujarat	152		1.770.496.190
8/12/09	KLA0013	Nhập 8 cont = 149.182 kg khô đậu - Ruchi	152		1.170.631.154
9/12/09	UNC0023	Trả tiền mua hàng KLA0012	112	527.300.000	
				
31/12/09	KCANGU	Nhập 44.900 kg ngô hạt - Sao Mai (đi N.AN)	152		217.765.000
			133		10.888.250
31/12/09	KPL	Nhập d- 300 kg ngô hạt	152		1.500.000
			133		75.000
31/12/09	UNC0095	Trả tiền mua hàng KCANGU	112	150.000.000	
		Cộng phát sinh		53.449.408.092	55.399.492.622

Biểu số 2.25



Công ty TNHH Thương Mại VIC
Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT

Tài khoản: 331 - Phải Trả người bán
Đối tượng: Công ty Gujarat - CCNNVT0020
Tháng 12 năm 2009

Dư có đầu kỳ: (1.150.293.000)

Dư có cuối kỳ: 0

Đơn vị tính: VND

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	Tk đư	Ps Nợ	Ps Có	Dư nợ	Dư có
1/12/09	KLA0009	Nhập 4 cont = 87.814 kg khô đậu	152		717.440.380		(1.150.293.000)
2/12/09	UNC0005	Trả tiền mua hàng - KLA0001	1121	856.192.000			(2.006.485.000)
6/12/09	UNC0018	Trả tiền mua hàng - KLA0009	1121	750.000.000			(2.756.485.000)
8/12/09	KLA0012	Nhập 10 cont = 216.707 kg khô đậu	152		1.770.496.190		(985.988.810)
9/12/09	UNC0023	Trả tiền mua hàng KLA 0012	1121	527.300.000			(1.513.288.810)
9/12/09	KLA0016	Nhập 8 cont = 175.555 kg khô đậu	152		1.434.284.350		(79.004.460)
10/12/09	KLA0020	Nhập 11 cont = 239.262 kg khô đậu - Gujarat	152		1.806.292.563		1.727.288.103
11/12/09	KLA0021	Nhập 2 cont = 43.363 kg khô đậu - Gujarat	152		354.275.710		2.081.563.813
						
		Cộng phát sinh		9.442.125.539	10.592.418.539		

Biểu số 2.26



Công ty TNHH Thương Mại VIC
Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT

Tài khoản: 331 - Phải Trả người bán

Đối tượng: Công ty TNHH Sx và TM Sao Mai - CCTNVT111

Tháng 12 năm 2009

D- có đầu kỳ: 0

D- có cuối kỳ: 1.666.135.407

Đơn vị tính: VND

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	Tk đư	Ps Nợ	Ps Có	Dư nợ	Dư có
						
26/12/09	KSON0033	Nhập 5.660 kg ngô hạt - Sao Mai	152		27.451.000		1.560.644.857
			133		1.372.550		1.562.017.407
27/12/09	UNC0085	Trả tiền mua hàng - KSON0033	112	27.451.000			1.534.566.407
28/12/09	KSON0037	Nhập 19.900 kg ngô hạt - Sao Mai	152		96.515.000		1.631.081.407
			133		4.825.750		1.635.907.157
28/12/09	UNC0089	Trả tiền mua hàng KSON0037	112	50.000.000			1.585.907.157
31/12/09	KCANGU	Nhập 44.900 kg ngô hạt - Sao Mai (đi N.An)	152		217.765.000		1.803.672.157
			133		10.888.250		1.814.560.407
31/12/09	KLP	Nhập d- 300 kg ngô hạt	152		1.500.000		1.816.060.407
			133		75.000		1.816.135.407
31/12/09	UNC0095	Trả tiền mua hàng KCANGU	112	150.000.000			1.666.135.407
		Cộng phát sinh		2.686.468.300	4.352.603.707		

Biểu số 2.27



Công ty TNHH Thương Mại VIC
Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGỜ Ờ BÁN (331)

(Từ ngày 01/12/2009 đến 31/12/2009)

Tài khoản : 331 - Phải trả cho ng-ời bán

Mã DvKH	ĐvKh	D ^ư nợ đầu VNĐ	D ^ư có đầu VNĐ	Ps nợ	Ps có	D ^ư nợ VNĐ	D ^ư có VNĐ
CCTNVT193	CN CTy TNHH Hồng Triền		109.800.000	109.800.000	90.000.000		90.000.000
CCTNVT015	CTy CP In & Bao bì		36.174.600	36.174.600	19.845.882		19.845.882
CCTNVT197	CTy TNHH BIOMIN Việt Nam		309.750.000	154.875.000	253.732.500		408.607.500
CCTNDV0164	Công ty TNHH Phát triển Nam Sài Gòn	60.000.000			60.000.000		
CCTNVT244	Công ty TNHH Phố Bình		114.300.000	114.300.000	82.000.000		82.000.000
CCTNVT111	Công ty TNHH SX & TM Sao Mai			2.686.468.300	4.352.603.707		1.666.135.407
CCTNVT271	Công ty TNHH Tuấn H- ng		214.682.000	214.682.000	242.293.962		242.293.962
CCTNVT261	Công ty TNHH Tân Trang		115.286.854	80.926.054	115.902.326		150.263.126
CCTNVT283	Công ty TNHH XNK và TM Thanh Sơn		1.509.718.500	1.509.718.500	714.410.009		714.410.009
CCTNVT176	Công ty TNHH nông sản Đại Đức				34.200.000		34.200.000
CCTNDV0157	Công ty TNHH Sở hữu Trí tuệ HAVIP			3.135.000	6.270.000		3.135.000
CCTNVT063	Công ty TNHH TM - DV Đạt Mỹ		3.753.092	3.753.092			
						
CCNVT0071	GOLDEN INDUSTRIES	382.482.200		1.522.743.516	1.686.387.095	218.838.621	
CCNVT0020	GUJARAT	1.150.293.000		9.442.125.539	10.592.418.539		
CCNVT0025	GULF IMPORT & EXPORT CO.L.L.C.		514.296.000	273.489.200			240.806.800
CCTNDV0079	Đài phát thanh & truyền hình Hải Phòng	30.000.000			30.000.000		
	Cộng	18.994.261.257	12.505.201.798	53.449.408.092	55.399.492.622	23.394.436.719	18.855.461.790

Biểu số 2.28



Công ty TNHH Thương Mại VIC
Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

SỔ CÁI

Tài khoản : 621- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
Tháng 12 năm 2009

D- đầu kỳ:

d- cuối kỳ

Đơn vị tính: VND

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	Tk đư	Ps Nợ	Ps Có
1/12/09	PXVT6213	Phiếu xuất kho 2.280kg ngô hạt- bán TP stra01 tổ Quyết	152	9.634.077	
1/12/09	PXVT6214	Phiếu xkho 14068 kg ngô hạt,bán TP NCốc Tổ Quyết	152	59.443.944	
				
12/1/09	PXVT6327	Xuất NLBB sản xuất thay thế KTP + x- ởng SX	152	1.171.608	
				
21/01/09	PXVT6478	Xuất NLBB sản xuất thay thế KTP	152	1.221.946	
				
31/12/09	PXVT6816	Phiếu xuất kho 2.700kg khô đậu AD- bán TP99X tổ Hiếu	152	21.904.649	
31/12/09	PXVT6817	Phiếu xkho 8.100 kg khô đậu ấn,bán TP X2000R Tổ Quyết	152	65.713.923	
				
31/12/09	12/09- 0021	Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu tháng 12	154		56.825.935.132
		Cộng phát sinh		56.825.935.132	56.825.935.132

2.2.4. Công tác tổ chức kiểm kê vật tư.

Mục đích của kiểm kê nguyên vật liệu là để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng nguyên vật liệu còn tồn kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách với thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty.

Hiện nay, Công ty đã tổ chức kiểm kê toàn bộ nguyên vật liệu 06 tháng một lần tại các kho trong doanh nghiệp. Số liệu kiểm kê trên sổ sách kế toán phải được chuẩn bị từ trước theo từng loại, từng kho hoặc đơn vị quản lý sử dụng tài sản để phân nhóm tổ chức kiểm kê.

Biên bản kiểm kê không chỉ có nhiệm vụ kiểm đếm chính xác số hiện có của nguyên vật liệu, mà còn phải xác định chính xác phẩm chất, tình trạng hiện có của chúng. Kết quả kiểm kê được phản ánh trên Biên bản kiểm kê. Kết quả kiểm kê được tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Công ty xem xét và cho phương án xử lý theo quy định chung. Biên bản kiểm kê là cơ sở để kế toán ghi sổ kế toán cho niên độ mới tiếp theo.

Ví dụ 2.5: Ngày 31 tháng 12 năm 2009, tại Công ty TNHH Thương mại VIC, có thực hiện kiểm kê nguyên vật liệu. Sau khi thực hiện công tác kiểm kê vật tư, hội đồng kiểm kê lập Biên bản kiểm kê nguyên liệu trong đó có 2 kho nguyên vật liệu là kho 2 và kho 4.

- Biên bản kiểm kê nguyên liệu- Kho 2 (biểu số 2.29)
- Biên bản kiểm kê nguyên liệu- Kho 2 (biểu số 2.30)

Biểu số 2.29



Công ty TNHH Thương Mại VIC
Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

BIÊN BẢN KIỂM KÊ NGUYÊN LIỆU

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2009 vào lúc 17h, tại kho 2

Chúng tôi gồm:

1. Bà Vũ Thị Len : Kiểm soát viên
2. Bà Phạm Thị Hường : Kế toán kho
3. Bà Trần Thị Nhân : Thủ kho

Đã kiểm kê kho 2 những chủng loại vật tư sau:

Tên vật tư	Đvt	Đơn giá	Số sách		Thực tế		Chênh lệch						
			SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	Thừa		Thiếu				
							SL	TT	SL	TT			
.....													
Khô đậu Acentina	Kg	-	-	-	-	0	-	-	-	-			
Khô đậu Trung Quốc	Kg	10.179	311.351	3.169.241.829	311.351	3.169.241.829	-	-	-	-			
Khô đậu ấn Độ	Kg	8.113	114.621	929.900.687	114.621	929.900.687	-	-	-	-			
Cám mỳ viên	Kg	7.509	7.726	58.014.534	7.726	58.014.534	-	-	-	-			
Cám ấn độ	Kg	3.238	100.719	326.126.503	100.719	326.126.503	-	-	-	-			
Khô đậu Mỹ	Kg	8.550	264	2.257.200	264	2.257.200	-	-	-	-			
.....													
Cộng				17.882.917.883		17.882.917.883							

Chúng tôi cùng thống nhất với số lượng hàng đã kiểm kê trên.

Thủ kho

Kế toán

Kiểm soát

Kế toán trưởng Kiểm soát

Lãnh đạo Công ty

Lãnh đạo phân xưởng

Biểu số 2.30



Công ty TNHH Thương Mại VIC
Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

BIÊN BẢN KIỂM KÊ NGUYÊN LIỆU

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2009 vào lúc 17h, tại kho 4

Chúng tôi gồm:

1. Bà Vũ Thị Len : Kiểm soát viên
2. Bà Phạm Thị Hương : Kế toán kho
3. Bà Nguyễn Thị Là : Thủ kho

Đã kiểm kê kho 4 những chủng loại vật tư sau:

Tên vật tư	Đvt	Đơn giá	Số sách		Thực tế		Chênh lệch				
			SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	Thừa		Thiếu		
							SL	TT	SL	TT	
.....											
Ngô hạt	Kg	4.225	372.757	1.575.074.374	372.757	1.575.074.374	-	-	-	-	
Tấm gạo	Kg	7.100	236	1.675.600	236	1.675.600	-	-	-	-	
Dầu nành	Kg	11.818	27.353	323.257.754	27.353	323.257.754	-	-	-	-	
Thóc hạt	Kg	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Rỉ mật	Kg	2.161	22.298	48.185.978	22.298	48.185.978	-	-	-	-	
Đỗ t-ong hạt	Kg	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
.....											
Cộng				22.875.400.892		22.875.400.892					

Chúng tôi cùng thống nhất với số lượng hàng đã kiểm kê trên.

Thủ kho Kế toán Kiểm soát Kế toán trưởng Kiểm soát Lãnh đạo Công ty Lãnh đạo phân xưởng

CHƯƠNG 3:
MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC
KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI VIC.

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu:

Qua 11 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn, song với chiến lược sản xuất kinh doanh nhạy bén và đúng đắn, sự nỗ lực của Ban lãnh đạo công ty cùng với cán bộ công nhân viên, công ty đã có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng. Và ghi dấu ấn vững mạnh trên thị trường thức ăn gia súc bằng việc quan tâm đầu tư phát triển thương hiệu.

Trong nền kinh tế thị trường như hiện nay, Công ty đã từng bước khẳng định tính độc lập, tự chủ trong kinh doanh; biết khai thác, phát huy và sử dụng có hiệu quả nội lực tiềm năng sẵn có của mình.

Trong thời gian thực tập tốt nghiệp tại Công ty TNHH Thương mại VIC, được sự giúp đỡ nhiệt tình của ban lãnh đạo và các phòng ban, đặc biệt là phòng kế toán tài vụ đã tạo điều kiện cho em từng bước tiếp cận với thực tế công tác kế toán tại doanh nghiệp. Với kiến thức được học trong nhà trường kết hợp với việc liên hệ và tìm hiểu thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng tại Công ty TNHH Thương mại VIC có những ưu điểm và những hạn chế sau:

3.1.1. Ưu điểm.

Cùng với sự phát triển của Công ty, tập thể ban lãnh đạo cũng không ngừng nâng cao chất lượng của công tác quản lý như: áp dụng khoa học kỹ thuật vào nhằm nâng cao hiệu quả công việc, tiết kiệm thời gian, đem lại lợi ích tối đa cho Công ty, góp phần nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên toàn Công ty và đóng góp một phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng đất nước.

***Về tổ chức bộ máy kế toán:**

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả, thực hiện theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Trong phòng tài chính kế toán, các

nhân viên kế toán có trình độ, có kinh nghiệm lâu năm, nhiệt tình trong công tác cũng như nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Mỗi kế toán viên được phân công nhiệm vụ cụ thể với từng phần hành cụ thể một cách hợp lý. Các kế toán viên phải chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về phần hành của mình, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời, chính xác cho đối tượng sử dụng. Điều này giúp cho công tác quản lý của Công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

Công ty TNHH Thương mại VIC đã áp dụng tin học vào công tác kế toán với việc áp dụng phần mềm EFECT, một phần mềm trong kế toán giúp giảm thiểu công việc ghi chép thủ công hàng ngày đồng thời làm tăng năng suất của công tác kế toán, tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp trong quản lý. Thông tin cung cấp nhanh nhạy tạo sự thông suốt về công tác tài chính kế toán giúp cho người quản lý đưa ra các quyết định kịp thời, chính xác trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra làm kế toán bằng phần mềm tạo khả năng cho nhiều người sử dụng đồng thời trên mạng trong cùng một hệ thống kế toán mà vẫn đảm bảo tính bảo mật cao trong công việc của mỗi người.

***Về công tác quản lý thu mua nguyên vật liệu:**

Vấn đề quản lý chặt chẽ các yếu tố đầu vào là yếu tố sống còn đối với mỗi doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất, bởi nó ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty, đến sự tồn tại của Công ty trong việc cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Do vậy việc quản trị doanh nghiệp nói chung và công tác kế toán trong doanh nghiệp nói riêng, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu luôn được các nhà quản lý quan tâm. Nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ từ khâu thu mua, vận chuyển và xuất nguyên vật liệu cho các tổ sản xuất. Công tác thu mua nguyên vật liệu luôn được đảm bảo về mặt chất lượng, số lượng, đáp ứng ngay khi có yêu cầu, góp phần đảm bảo tiến độ theo hợp đồng.

***Về tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán.**

Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại Công ty đang áp dụng theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đồng thời phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác, đảm bảo nhanh chóng phản ánh tình hình biến động của Công ty.

Hình thức kế toán công ty áp dụng là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản phù hợp với quy mô của Doanh nghiệp, đồng thời trong điều kiện Công ty đã áp dụng kế toán máy thì giúp hệ thống hoá thông tin chính xác, khoa học. Hệ thống sổ sách báo cáo của Công ty cũng khá linh hoạt và đầy đủ phù hợp với chế độ quy định của nhà nước.

***Về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu:**

Công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu. Phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho, đặc biệt là nguyên vật liệu luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Phương pháp này đã giúp Công ty quản lý, theo dõi và kiểm tra nguyên vật liệu chính xác, kịp thời; là một lựa chọn đúng đắn của Công ty.

- Việc xác định mức tiêu hao nguyên vật liệu tại Công ty được tính toán chi tiết cụ thể cho từng loại nguyên vật liệu, nên việc cung cấp nguyên vật liệu cho từng công trình được thực hiện rất nhanh chóng khi có yêu cầu.

Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, Công ty áp dụng phương pháp ghi thẻ song song, phù hợp với đặc điểm nguyên vật liệu phong phú, đa dạng. Kế toán nguyên vật liệu có thể theo dõi chặt chẽ tình hình nhập xuất tồn nguyên vật liệu, việc quản lý nguyên vật liệu của Công ty đạt hiệu quả cao.

Tóm lại, việc hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc phản ánh, giám sát tình hình hoạt động của Công ty cũng như tình hình nguyên vật liệu phục vụ cho sửa chữa tại các công trình giúp các nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn, góp phần quan trọng vào việc đảm bảo hoạt động kinh doanh đồng thời đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

3.1.2. Hạn chế.

Bên cạnh những ưu điểm đã đề cập ở trên, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng của Công ty, còn bộc lộ những mặt hạn chế cần khắc phục:

****Về phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho:.***

Hiện nay, Công ty đang áp dụng phương pháp bình quân gia quyền, tính giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ đối với nguyên vật liệu xuất kho. Việc áp dụng phương pháp tính giá này là không phù hợp với một doanh nghiệp sản xuất có tình hình biến động nguyên vật liệu thường xuyên và liên tục như Công ty TNHH Thương mại VIC.

****Về xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu.***

Hiện tại Công ty chưa xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu mà thường có kế hoạch thu mua khi phát sinh nhu cầu. Vì vật dễ dẫn đến tình trạng là khi dự trữ quá nhiều một loại nguyên vật liệu mà không sử dụng hết ngay gây nên tình trạng ứ đọng vốn, chất lượng của nguyên vật liệu bị giảm sút. Nếu dự trữ thiếu có thể làm cho doanh nghiệp phải ngừng sản xuất.

****Về trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.***

Hiện nay Công ty chưa thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trong khi đó Công ty luôn có lượng nguyên vật liệu trong kho phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh. Như vậy, các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, hàng hoá tồn kho giảm giá sẽ không được bù đắp, không lường trước được những rủi ro trong kinh doanh.

****Về phân loại nguyên vật liệu.***

Công ty đã phân ra thành 2 loại là nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ. Tuy nhiên, khi hạch toán thì kế toán chỉ sử dụng một loại tài khoản 1521- nguyên vật liệu chính. Như các loại vỏ bao bì, nhãn mác là nguyên vật liệu phụ nhưng khi hạch toán vẫn sử dụng TK 1521. Trên thực tế, Công ty có phân chia chi tiết, mã hoá nguyên vật liệu nhưng chưa thực sự hợp lý, không phản ánh đúng chức năng và công dụng nên gây ra khó khăn cho công tác quản lý, dễ nhầm các loại với nhau.

****Về hệ thống kho bãi.***

Do Công ty chỉ có bốn kho để lưu trữ và bảo quản nguyên vật liệu với số nguyên vật liệu rất lớn. Có những thời gian nguyên vật liệu mua về dự trữ cho sản xuất thì bốn kho không đảm bảo chứa hết các loại nguyên vật liệu. Trong trường hợp đó thì nguyên vật liệu phải để ngoài sân kho. Với đặc điểm dễ bị ảnh hưởng bởi thời tiết như mưa gió mà không được che đậy cẩn thận sẽ rất dễ dẫn đến tình trạng nguyên vật liệu bị mất giá trị, giảm chất lượng.

Ngoài ra, việc sắp xếp nguyên vật liệu trong kho cũng chưa thật hợp lý bởi nhiều khi chưa xây dựng được hệ thống kho đủ tiêu chuẩn để sắp xếp riêng biệt các loại nguyên vật liệu.

****Về tình hình sử dụng nguyên vật liệu.***

Trong công tác quản lý và nâng cao hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu thì công tác phân tích tình hình sử dụng và nâng cao hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu là một trong những biện pháp cần thiết. Tuy nhiên, tại Công ty công tác này hiện chưa được quan tâm và thực hiện.

Do phần lớn nguyên vật liệu là Công ty nhập khẩu nên quá trình thu mua vận chuyển khá xa xôi và tốn kém. Vì vậy, việc rơi vãi hao hụt nguyên vật liệu là rất nhiều. Điều này dẫn đến tình trạng lãng phí một lượng không nhỏ nguyên vật liệu, làm cho chi phí nguyên vật liệu tính vào giá thành tăng lên.

****Về việc phân định kế toán tài chính và kế toán quản trị.***

Kế toán Công ty chưa phân biệt kế toán tài chính và kế toán quản trị. Kế toán quản trị với chức năng chủ yếu là cung cấp thông tin cho các đối tượng trong nội bộ doanh nghiệp nên có thể cung cấp thông tin nhanh chóng và đáp ứng được yêu cầu của nhà quản lý một cách đầy đủ và chính xác nhất khi có yêu cầu. Tại Công ty hiện nay chủ yếu là kế toán tài chính.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại VIC.

Để tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường như hiện nay, đưa Công ty TNHH Thương mại VIC ngày càng phát triển đi lên đòi hỏi các nhà quản lý phải

không ngừng đi sâu vào tìm hiểu, phát huy những điểm mạnh của doanh nghiệp và khắc phục những hạn chế còn tồn tại.

Hạch toán kế toán là bộ phận cấu thành của công cụ quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp, đồng thời cũng là công cụ đắc lực phục vụ cho Nhà nước trong quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo kinh doanh.

Chỉ có dựa trên những thông tin trung thực, chính xác của kế toán mới giúp cho các nhà quản trị có thể đưa ra những quyết định đúng đắn, hữu hiệu nhất. Do đó việc nghiên cứu đi sâu vào tìm hiểu để hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng cần phải tuân thủ những yêu cầu sau:

- Các biện pháp hoàn thiện phải được xây dựng trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán hiện hành. Tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý tại đơn vị mình, không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ, nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng chế độ hiện hành về quản lý tài chính của Nhà nước.

- Kế toán là khoa học thu nhận, xử lý thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của các nhà quản trị doanh nghiệp. Do vậy các thông tin về kế toán đưa ra phải chính xác, kịp thời, phù hợp yêu cầu; giúp cho các nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn, đạt kết quả tối ưu. Đây là yêu cầu không thể thiếu trong công tác kế toán.

- Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nhưng phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp (đặc điểm sản xuất kinh doanh, trình độ của các kế toán viên, tình hình tài chính hiện tại của doanh nghiệp...) phải đạt được mục tiêu tối thiểu hóa chi phí, tối đa hóa lợi nhuận.

- Hoàn thiện nhưng phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích hoạt động của các doanh nghiệp là tối đa hoá lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu này, cùng với việc không ngừng tăng doanh thu, doanh nghiệp cần phải có các biện pháp hữu hiệu hạ thấp chi phí có thể được. Đây cũng là một nhu cầu tất yếu đặt ra với các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Qua quá trình thực tập tại Công ty TNHH Thương mại VIC, tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của Công ty cũng như tổ chức công tác kế toán, bài viết đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty.

****Về phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho:.***

Là một doanh nghiệp sản xuất có tình hình biến động nguyên vật liệu thường xuyên và liên tục, trong khi hiện nay giá của nguyên vật liệu luôn có sự biến đổi, Công ty nên áp dụng tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập, kế toán phải xác định giá bình quân của từng loại vật liệu. Căn cứ vào đơn giá bình quân và lượng nguyên vật liệu xuất kho giữa hai lần nhập kế tiếp để xác định giá thực tế vật liệu xuất kho.

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Giá thực tế từng loại NVL tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế từng loại NVL tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Áp dụng phương pháp này, tại bất kỳ thời điểm nào trên sổ sách kế toán luôn phản ánh giá trị nguyên vật liệu tồn kho thực tế của Công ty. Qua đó thấy được quá trình biến động về giá cả vật liệu trong những chu kỳ sản xuất, từ đó phân tích thị trường, nguồn cung ứng và tổ chức thu mua, vận chuyển, bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất cũng như khâu dự trữ ngày một tốt hơn.

Phương pháp này cho phép kế toán tính giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời, tuy khối lượng công việc tính toán nhiều nhưng với việc ứng dụng phần mềm kế toán EFACT vào công tác kế toán nên tình hình thực tế tại Công ty cho phép thực hiện tốt phương pháp tính giá này.

****Về xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu.***

Trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh khốc liệt như hiện nay, nhiều biến động xảy ra có thể ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của Công ty và ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Do vậy, nếu Công ty không xác định mức dự trữ nguyên vật liệu thì kế hoạch sản xuất của Công ty có thể bị ngưng trệ làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên, nếu Công ty dự trữ nguyên vật liệu quá lớn sẽ làm ứ đọng vốn, gây khó khăn trong việc quay vòng vốn của doanh nghiệp và phát sinh các chi phí liên quan. Ngược lại, nếu dự trữ ít thì khi nguyên vật liệu trên thị trường khan hiếm hoặc giá cả nguyên vật liệu giảm sẽ làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất kinh doanh. Nguyên vật liệu bị thiếu, có thể làm cho doanh nghiệp phải ngừng sản xuất. Vì vậy, Công ty nên xây dựng định mức dự trữ tối đa và tối thiểu cho từng loại nguyên vật liệu, tránh việc dự trữ quá nhiều hay quá ít một loại nguyên vật liệu nào đó.

Việc xây dựng này căn cứ trên kế hoạch, định mức tiêu hao cho từng loại nguyên vật liệu cũng như tình hình, khả năng của Công ty.

- Định mức giá cho một đơn vị nguyên vật liệu trực tiếp phản ánh giá cuối cùng của một đơn vị nguyên vật liệu trực tiếp sau khi đã trừ đi mọi khoản chiết khấu:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức} \\ \text{giá của một} \\ \text{đơn vị NVL} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{đơn vị} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{chuyên chở} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{nhập kho,} \\ \text{bốc xếp} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chiết khấu} \\ \text{(Nếu có)} \end{array}$$

- Định mức lượng nguyên vật liệu trực tiếp cho một đơn vị sản phẩm phản ánh số lượng nguyên vật liệu tiêu hao cho một đơn vị thành phẩm, có cho phép những hao hụt bình thường:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức lượng} \\ \text{NVL trực tiếp cho} \\ \text{một đơn vị sản} \\ \text{phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng NVL cần} \\ \text{thiết để sản xuất} \\ \text{một đơn vị sản} \\ \text{phẩm} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Mức hao} \\ \text{hụt cho} \\ \text{phép} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Mức NVL cho} \\ \text{sản phẩm hỏng} \\ \text{(cho phép)} \end{array}$$

Từ đó định mức chi phí nguyên vật liệu của một đơn vị sản phẩm được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức chi phí một đơn} \\ \text{vị sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Định mức giá một đơn} \\ \text{vị NVL} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức} \\ \text{lượng NVL} \end{array}$$

Giá tiêu chuẩn về nguyên vật liệu thường được xác định bởi nhân viên phòng kế hoạch vật tư. Nhân viên cung ứng thường tập hợp giá nguyên vật liệu của

các nhà cung cấp khác nhau, để từ đó chọn một nhà cung cấp có thể đáp ứng các yêu cầu về chất lượng nguyên vật liệu cũng như giá cả phù hợp.

Lượng tiêu chuẩn về nguyên vật liệu trực tiếp thường được xác định bởi các kỹ sư và giám đốc sản xuất, căn cứ trên tình hình sử dụng thực tế.

Xây dựng được định mức dự trữ sẽ đảm bảo cho nguyên vật liệu vừa đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng, hoạt động sản xuất được diễn ra thường xuyên, liên tục, không bị ngưng trệ cũng như nắm bắt kịp thời các cơ hội trong kinh doanh. Ngoài ra vấn đề nguyên vật liệu sẽ ít bị ứ đọng, số vốn đó có thể quay vòng cho các loại nguyên vật liệu khác hoặc cho các hoạt động tài chính, đồng thời sử dụng tiết kiệm vốn.

Công ty có thể sử dụng Báo cáo dự báo vật tư theo kế hoạch sản xuất, kinh doanh (biểu số 3.1) như sau:

Biểu số 3.1:

Đơn vị:

Bộ phận:

**BÁO CÁO DỰ BÁO VẬT TƯ THEO KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT, KINH DOANH**

Tháng Quý.....Năm....

Mã số	Tên, quy cách vật tư	Đvt	Nhu cầu			Số tồn kho thực tế	Số cần nhập bổ sung
			Kế hoạch	Đã sử dụng	Số chưa sử dụng		
A	B	C	1	2	3	4	5

Ngày tháng năm.....

Kế toán trưởng

PT bộ phận báo cáo

Người lập

***Về trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.**

Để đảm bảo nguyên tắc “thận trọng” trong kế toán, tránh được những tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh giá trị nguyên vật liệu tồn kho sát hợp với giá trị trường tại thời điểm nhất định, đồng thời góp phần phản ánh kết quả kinh doanh trong kỳ chính xác. Với đặc thù nguyên vật liệu dễ bị ảnh hưởng tới chất lượng, giá trị: khô đậu Acentina (kém phẩm chất), khô dừa (hàng tồn thất), Lizine TQ,.. Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm. Bộ tài chính ban hành thông tư 228/2009/TT-BTC tháng 12 năm 2009, quy định về chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng.

✓ Đối tượng lập dự phòng bao gồm nguyên vật liệu, dụng cụ dùng cho sản xuất, vật tư, hàng hóa, thành phẩm tồn kho (gồm cả hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời, ứ đọng, chậm luân chuyển...), sản phẩm dở dang, chi phí dịch vụ dở dang (hàng tồn kho) mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện sau:

- Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính hoặc các bằng chứng khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

- Là những vật tư hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trường hợp nguyên vật liệu có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc nhưng giá bán sản phẩm dịch vụ được sản xuất từ nguyên vật liệu này không bị giảm giá thì không được trích lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho đó.

✓ Phương pháp lập dự phòng:

Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại hàng tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ vào bảng kê chi tiết. Bảng kê là căn cứ để

hạch toán vào giá vốn hàng bán (giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hoá tiêu thụ trong kỳ) của doanh nghiệp.

Mức trích lập dự phòng tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá vật tư} \\ \text{hàng hóa} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng vật tư hàng} \\ \text{hóa thực tế tồn kho} \\ \text{tại thời điểm lập báo} \\ \text{cáo tài chính} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{(Giá gốc} \\ \text{hàng tồn} \\ \text{kho theo sổ} \\ \text{kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần có} \\ \text{thể thực hiện} \\ \text{được của hàng} \\ \text{tồn kho) } \end{array}$$

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 02 - Hàng tồn kho ban hành kèm theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho (giá trị dự kiến thu hồi) là giá bán (ước tính) của hàng tồn kho trừ (-) chi phí để hoàn thành sản phẩm và chi phí tiêu thụ (ước tính).

Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập.

Theo chế độ kế toán hiện hành, vào cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

✓ Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:
Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

✓ Cuối kỳ kế toán năm tiếp theo:
- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn, ghi:

Nợ TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ giúp cho việc hạch toán vật tư tại Công ty đảm bảo độ chính xác và thông qua việc trích lập dự phòng, kế toán nguyên vật liệu sẽ nắm bắt được số chênh lệch cụ thể giữa giá trị hàng tồn kho của Công ty hiện có so với giá thị trường.

Công ty có thể sử dụng mẫu bảng kê dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo biểu số 3.2.

Biểu số 3.2:

Đơn vị:

Địa chỉ:

BẢNG TÍNH DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO

Năm....

Stt	Tên vật tư	SL	Theo sổ kế toán		Theo thị trường		Chênh lệch
			Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6=5-3
	Cộng						

****Về phân loại nguyên vật liệu.***

Hiện nay Công ty đã phân ra thành 2 loại nguyên vật liệu:

- Nguyên vật liệu chính: là đối tượng lao động cấu thành nên thực thể sản phẩm bao gồm: Khô cải, vỏ sò, vỏ huyết, tấm gạo, cám gạo, đậu tương, ngô nỏ, ngô rang, bột cá, bột sắn, dầu cá, Các loại thuốc như Choline, Methionine ..

- Nguyên vật liệu phụ: là những vật liệu khi sử dụng chỉ có tác dụng làm tăng chất lượng, hoàn chỉnh sản phẩm trong quá trình sản xuất như: vỏ bao bì dung để đóng gói

Công ty đã phân loại chi tiết tới từng nguyên vật liệu và lập danh điểm nguyên vật liệu quy định cho mỗi loại nguyên vật liệu một mã riêng bằng hệ thống các chữ cái để thay thế tên gọi quy cách kích cỡ của chúng. Việc mã hoá tên các vật liệu của Công ty hiện nay được xây dựng trên cơ sở nguồn gốc nhập và công dụng của các loại vật liệu. Nhưng hiện nay Công ty lại chỉ theo dõi trên một tài khoản 1521- nguyên vật liệu chính.

Công ty nên mở thêm TK 1522- nguyên vật liệu phụ, để phản ánh riêng các loại vật liệu phụ (các loại bao bì, mác, ...) bởi như vậy sẽ phản ánh đúng chức năng cũng như công dụng của từng loại nguyên vật liệu trong sản xuất.

Ngoài ra, việc mở thêm TK 1522 sẽ giúp cho việc quản lý theo dõi các loại nguyên vật liệu khoa học và thuận tiện hơn, tránh gây tình trạng nhầm lẫn sai sót đồng thời phản ánh đúng theo quy định kế toán.

****Về hệ thống kho bãi.***

Hiện tại hệ thống kho bãi để lưu trữ và bảo quản nguyên vật liệu của Công ty còn thiếu, vẫn phải để ngoài trời, mưa nắng sẽ làm giảm phẩm chất của nguyên vật liệu. Do vậy, Công ty cần xây dựng thêm kho hoặc thuê thêm kho để dự trữ nguyên vật liệu, vừa đảm bảo quản lý tốt hơn về số lượng và chất lượng vật tư, nâng cao giá trị của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

Ngoài ra, Công ty cần tính toán đầu tư xây dựng một hệ thống kho theo đúng quy chuẩn yêu cầu bảo đảm nghiêm ngặt các điều kiện về giao thông, an toàn

phòng chống cháy nổ, ... thuận tiện cho việc tiếp nhận, vận chuyển, bốc dỡ, xếp hàng, bảo quản, phân loại, đóng gói, kiểm nghiệm, giao hàng.

Đối với các nguyên vật liệu đặc biệt cần có chế độ bảo quản riêng tuân thủ theo đúng yêu cầu của nhà sản xuất hoặc tư vấn chuyên môn để tránh gây hư hỏng và ảnh hưởng đến nguyên vật liệu. Cần có một hệ thống kho đủ tiêu chuẩn, điều kiện để sắp xếp và phân loại nguyên vật liệu một cách khoa học và hợp lý đảm bảo tính an toàn cho từng loại nguyên vật liệu.

Công ty có thể khai thác vốn đầu tư từ nhiều nguồn: nguồn tích lũy nội bộ, nguồn vốn vay ngân hàng,...

Đây là một vấn đề mà công ty cần nhanh chóng lên kế hoạch chi tiết và đầu tư để đảm bảo cho việc quản lý nguyên vật liệu được tốt hơn, dễ dàng cho khâu kiểm soát và kiểm kê nguyên vật liệu.

****Về tình hình sử dụng nguyên vật liệu.***

Để tăng cường quản lý và nâng cao hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu thì một trong những biện pháp cần thiết đó là công tác phân tích tình hình sử dụng và nâng cao hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu. Tuy nhiên, tại Công ty hiện nay, công tác phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu nhìn chung chưa được quan tâm và thực hiện. Vì vậy, Công ty có thể thực hiện việc phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu như sau:

- Để đánh giá chung các tiềm năng sử dụng nguyên vật liệu, ta sử dụng chỉ tiêu hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu.

$$\text{Hiệu suất sử dụng NVL} = \frac{\text{Giá trị sản lượng}}{\text{Chi phí nguyên vật liệu}}$$

Hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu biểu hiện một đồng nguyên vật liệu tham giá vào sản xuất trong kỳ đem lại bao nhiêu đồng giá trị sản lượng. Hiệu suất này càng cao chứng tỏ chất lượng công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu càng tốt.

- Phân tích tình hình cung cấp nguyên vật liệu: để khai thác tiềm năng sử dụng nguyên vật liệu cho sản xuất phải thường xuyên và định kỳ phân tích tình hình cung cấp nguyên vật liệu theo các yêu cầu sau đây:

+ Thường xuyên kiểm tra nguyên vật liệu tồn kho so với định mức dự trữ để giải quyết tình hình định mức không hợp lý.

+ Căn cứ vào tình hình cung cấp thực tế đối chiếu với các hợp đồng đã ký, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch cung cấp và tiến độ sản xuất để phát hiện việc mất cân đối giữa nhu cầu và khả năng cung cấp, không thể thiếu hụt nguyên vật liệu dẫn đến phải ngừng sản xuất.

Dựa trên cơ sở phân tích một cách khoa học tình hình sử dụng nguyên vật liệu, những phương hướng và biện pháp sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên vật liệu cần được áp dụng là:

- Không ngừng giảm bớt phế liệu, phế phẩm, hạ thấp định mức tiêu dùng nguyên vật liệu.

+ Công ty cần cải tiến kỹ thuật, đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị. Ứng dụng công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất.

+ Công ty cần đào tạo thường xuyên, đào tạo nâng bậc kỹ thuật để nâng cao trình độ tay nghề cho công nhân.

+ Xây dựng hệ thống định mức tiên tiến và hiện thực, đồng thời thực hiện tốt hệ thống định mức tiêu dùng nguyên vật liệu.

+ Xây dựng và thực hiện nghiêm chỉnh chế độ sử dụng, bảo quản, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị.

+ Coi trọng việc hạch toán nguyên vật liệu, phế phẩm.

- Triệt để thu hồi và tận dụng phế liệu, phế phẩm: là một nội dung quan trọng thể hiện sự quán triệt nguyên tắc tiết kiệm trong quản lý kinh tế. Vì nó mang lại hiệu quả cao hơn so với việc sử dụng nguyên vật liệu tự khai thác chế biến.

- Xoá bỏ mọi hao hụt, mất mát, hư hỏng nguyên vật liệu do nguyên nhân chủ quan gây ra.

+ Để thực hiện tốt phương hướng này cần nâng cao trách nhiệm trong công tác thu mua, vận chuyển, bao gói, bốc dỡ, kiểm nghiệm, bảo quản nguyên vật liệu trong kho và cấp phát nguyên vật liệu cho sản xuất.

+ Kiên quyết áp dụng chế độ trách nhiệm và xử phạt nghiêm bằng biện pháp kinh tế, hành chính đối với những người vô trách nhiệm, những hành động làm mất mát hoặc lãng phí nguyên vật liệu.

Thực hiện tốt việc sử dụng hợp lý và tiết kiệm nguyên vật liệu sẽ hạn chế được hao hụt, mất mát, chống lãng phí và góp phần làm giảm chi phí, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

****Về việc phân định kế toán tài chính và kế toán quản trị.***

Do thông tin kế toán phục vụ cả trong và ngoài doanh nghiệp nên căn cứ vào đối tượng sử dụng thông tin, người ta phân định kế toán thành hai nhánh: nhánh kế toán cung cấp thông tin cho quản lý, điều hành hoạt động trong nội bộ doanh nghiệp được gọi là kế toán quản trị và nhánh kế toán cung cấp thông tin cho những đối tượng chủ yếu ở bên ngoài doanh nghiệp được gọi là kế toán tài chính.

Kế toán quản trị là quy trình đa dạng, đo lường, tổng hợp, phân tích, lập báo biểu, giải trình và thông đạt các số liệu tài chính và phi tài chính cho ban giám đốc để lập kế hoạch, đánh giá, theo dõi việc thực hiện kế hoạch trong phạm vi nội bộ một doanh nghiệp và để đảm bảo cho việc sử dụng có hiệu quả các tài sản và quản lý chặt chẽ các tài sản này, Như vậy kế toán quản trị là một phương pháp xử lý các dữ kiện để đạt được các mục tiêu sau:

- Biết được từng thành phần chi phí, tính toán và tổng hợp chi phí sản xuất, giá thành cho từng loại sản phẩm, từng loại công trình, dịch vụ.
- Xây dựng được các khoản dự toán ngân sách cho các mục tiêu hoạt động.
- Kiểm soát, thực hiện và giải trình các nguyên nhân chênh lệch giữa chi phí theo dự toán và thực tế.
- Cung cấp các thông tin cần thiết để có các quyết định kinh doanh hợp lý.

Từ những phân tích trên ta có thể áp dụng cụ thể vào Công ty TNHH Thương mại VIC để phân định rõ kế toán tài chính và kế toán quản trị về nguyên vật liệu như sau:

**Đối với kế toán tài chính nguyên vật liệu:*

- Kế toán tổng hợp và chi tiết từng loại nguyên vật liệu theo số lượng và giá trị theo chế độ ban hành.

- Cung cấp số liệu từng loại nguyên vật liệu chính xác hiện có trong kho tại thời điểm lập báo cáo và tiến hành lập báo cáo tài chính kịp thời.

- Lập bảng kê chi tiết từng loại vật liệu hiện có trong kho phù hợp với chỉ tiêu giá trị vật liệu tồn kho ở Bảng cân đối kế toán.

**Đối với kế toán quản trị nguyên vật liệu:*

Vẫn áp dụng phương pháp kế toán nguyên vật liệu giữa kho và phòng kế toán như Công ty đã thực hiện. Kế toán quản trị nguyên vật liệu phải:

- Xác định giá trị nguyên vật liệu đã sử dụng để sản xuất cho từng sản phẩm trong đó có bao nhiêu là biến phí và định phí.

- Lập các định mức sử dụng nguyên vật liệu và các báo cáo việc sử dụng nguyên vật liệu cho từng sản phẩm xuất ra, phân tích, đánh giá việc sử dụng nguyên vật liệu, tìm ra nguyên nhân.

Nhận thức được vấn đề trên, vì vậy Công ty TNHH Thương mại VIC nên phân định rõ kế toán quản trị và kế toán tài chính là hết sức cần thiết. Áp dụng được vấn đề này sẽ cung cấp cho các nhà quản lý của Doanh nghiệp có những thông tin linh hoạt, có những giải pháp khác nhau trong việc đầu tư, phát huy những mặt tích cực đã đạt được và khắc phục những mặt còn tồn tại.

KẾT LUẬN

Đối với Nhà nước kế toán là công cụ quan trọng để tính toán xác định, kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước và để điều hành nền kinh tế. Với doanh nghiệp, kế toán là công cụ quan trọng để quản lý hoạt động kinh tế và kiểm soát, bảo vệ tài sản vật tư tiềm vốn trong đơn vị.

Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động thường chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất kinh doanh và có ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm của các Doanh nghiệp. Nguyên vật liệu cần phải được đảm bảo tốt từ khâu mua vào, vận chuyển cho đến khâu dự trữ và sử dụng một cách hợp lý nhất sao cho đáp ứng vừa đủ nhu cầu sản xuất, đồng thời cũng đảm bảo cho quá trình sản xuất không bị gián đoạn. Vì vậy, công tác hạch toán nguyên vật liệu có được đầy đủ, chính xác, kịp thời và khoa học sẽ là một biện pháp tích cực và có hiệu quả nhất trong việc tính giá thành sản phẩm, tạo điều kiện cho các nhà quản lý doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác để có được lợi nhuận cao.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại VIC đã giúp em nắm vững hơn về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng. Em nhận thấy rằng lý thuyết nhận thức trong nhà trường cần phải đi đôi với việc nắm bắt thực tế trong đời sống kinh tế. Điều quan trọng là phải biết vận dụng những kiến thức đã học để hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán trong thực tế một cách sinh động và chính xác nhất.

Vì thời gian không nhiều và trình độ nhận thức có hạn nên khóa luận của em không thể tránh được những thiếu sót. Vì vậy em rất mong nhận được sự giúp đỡ và những ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn thầy giáo hướng dẫn Ths. Nguyễn Văn Thụ, các nhân viên kế toán trong phòng kế toán của Công ty TNHH Thương mại VIC đã giúp em hoàn thiện khóa luận này.

Hải Phòng, ngày 26 tháng 06 năm 2010

Sinh viên

Vũ Hải Giang

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp
 - Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán- NXB thống kê năm 2008
 - Quyển 2: Báo cáo tài chính, chứng từ và sơ đồ kế toán- NXB thống kê năm 2008
2. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam - Hướng Dẫn Thực Hiện 26 Chuẩn mực kế toán 2008 – 2009.
 - Bộ tài chính - NXB lao động năm 2008
3. Các thông tư hướng dẫn việc thực hiện các chuẩn mực kế toán Việt Nam.
4. Chế độ kế toán doanh nghiệp.
 - Bộ tài chính – NXB tài chính năm 2006.
5. Giáo trình kế toán tài chính:
 - PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi- NXB tài chính năm 2007.
6. Số liệu tại phòng Kế toán tài chính
 - Công ty TNHH Thương mại VIC.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP.	2
1.1. Những vấn đề chung về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.	2
1.1.2. Khái niệm về nguyên vật liệu.....	2
1.1.3. Đặc điểm của nguyên vật liệu.	3
1.1.4. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu.	3
1.1.5. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu.	4
1.1.5.1. Phân loại nguyên vật liệu.	4
1.1.5.2. Tính giá nguyên vật liệu.....	5
1.2. Nội dung công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	9
1.2.1. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu.	9
1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song.	10
1.2.1.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	11
1.2.1.3. Phương pháp sổ số dư.	12
1.2.2. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.	13
1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.	14
1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	15
1.2.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	19
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC.	21
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Thương mại VIC.....	21
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thương mại VIC.	21
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:.....	22
2.1.3. Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH Thương mại VIC	27
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại VIC.....	28
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán:	28
2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán tại Công ty.	29

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản tại Công ty.	29
2.1.4.4. Chế độ kế toán Công ty áp dụng.	29
2.1.4.5. Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty.	29
2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại VIC.	33
2.2.1. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu tại Công ty.	33
2.2.1.1. Phân loại nguyên vật liệu tại Công ty TNHH thương mại VIC.	33
2.2.1.2. Tính giá nguyên vật liệu:.....	34
2.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại VIC.	36
2.2.2.1 Thủ tục nhập- xuất kho nguyên vật liệu.....	36
2.2.2.2 Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty.	37
2.2.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.	54
2.2.3.1. Chứng từ sử dụng:	54
2.2.3.2. Tài khoản sử dụng:	54
2.2.3.3. Quy trình hạch toán:	54
2.2.4. Công tác tổ chức kiểm kê vật tư.....	65
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC. ..	68
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu:.....	68
3.1.1. Ưu điểm.	68
3.1.2. Hạn chế.....	71
3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại VIC.	72
KẾT LUẬN	85
TÀI LIỆU THAM KHẢO	